



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

9

Tháng 5 - 2020

HỘI NGHỊ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỚI DOANH NGHIỆP “CÙNG NỖ LỰC, VƯỢT THÁCH THỨC, ĐÓN THỜI CƠ, PHỤC HỒI NỀN KINH TẾ”

Hà Nội, ngày 09 tháng 5 năm 2020



Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại hội nghị trực tuyến (Ảnh: VGP/Quang Hiếu)



Hình ảnh hội nghị trực tuyến tại điểm cầu Bộ Xây dựng

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ
TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ HAI MỘT

9

SỐ 9 - 5/2020



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 5
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 7
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/25.000 (Phần Quy hoạch sử dụng đất tại tự án đầu tư xây dựng vị trí đóng quân mới và Thao trường huấn luyện cho Trung đoàn Bộ binh 692 thuộc Sư đoàn Bộ binh 301 - Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội 9
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Long An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 11
- Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch tuyên truyền bảo vệ chủ quyền và phát triển bền vững biển, đảo Việt Nam năm 2020 của Bộ Xây dựng 12
- Thông tư hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam 13
- Bộ Xây dựng ban hành Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BXD: Nghị định về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng 15

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

BẠCH MINH TUẤN

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN
(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠN
CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH
CN. TRẦN ĐÌNH HÀ
CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH
CN. NINH HOÀNG HẠNH

Văn bản của địa phương

- UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy chế phối hợp 16 quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu Nhiệm vụ “Nghiên cứu mở rộng ứng dụng thiết kế đô thị trong đồ án quy hoạch nhằm quản lý khai thác không gian tầng cao trong đô thị” 19
- Thẩm định Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn đến năm 2040 21
- Nghiệm thu đề tài Soát xét, điều chỉnh, bổ sung, chuyển đổi TCXDVN 33:2006 22
- Nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu giải pháp công nghệ tăng khả năng chống thấm nước của gạch bê tông” 23
- Nghiệm thu nhiệm vụ KHCN “Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ lãnh đạo, chuyên môn quản lý xây dựng và đô thị các cấp” 25
- Nghiên cứu nâng cao độ bám dính của vữa trát trên bê tông khí chưng áp 26
- Công nghệ GIS trong kiến trúc và quy hoạch đô thị 29

Thông tin

- Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân điện đàm với Chủ tịch Quốc hội Lào Pany Yathotou 31
- Hội nghị Thủ tướng Chính phủ với doanh nghiệp “Cùng nỗ lực, vượt thách thức, đón thời cơ, phục hồi nền kinh tế” 33
- Bộ Xây dựng công bố thông tin nhà ở và thị trường bất động sản Quý I/2020 36
- Kiến trúc của Singapore 38
- Phân tích điều tra về nhà ở tại một số nước trên thế giới 42



Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 13 tháng 4 năm 2020, Thủ tướng chính phủ đã có Quyết định số 510/QĐ-TTg phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1. Phạm vi, ranh giới quy hoạch

- Kon Tum có tổng diện tích tự nhiên là 9.690,5 km²
- Phía Đông giáp tỉnh Quảng Ngãi.
- Phía Tây giáp Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia;
- Phía Nam giáp tỉnh Gia Lai;
- Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam.

2. Mục tiêu

- Hình thành công cụ pháp lý để chính quyền các cấp của tỉnh Kon Tum sử dụng trong việc hoạch định chính sách và kiến tạo động lực phát triển; là cơ sở để triển khai kế hoạch đầu tư công trên địa bàn tỉnh Kon Tum, đảm bảo tính khách quan, khoa học.

- Cung cấp thông tin, căn cứ để các doanh nghiệp, cộng đồng và người dân đầu tư, kinh doanh, sinh sống và làm việc cũng như kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch của tỉnh Kon Tum.

- Loại bỏ các quy hoạch chồng chéo ảnh hưởng đến đầu tư phát triển. Xây dựng kịch bản phát triển, ý tưởng và phương án tổng thể, bố trí hợp lý không gian nhằm giải quyết các vấn đề xung đột về không gian trong địa bàn tỉnh hiện nay. Đồng thời, định hướng không gian cho các nhu cầu phát triển trong tương lai trên cơ sở huy động hợp lý các điều kiện bên trong và thu hút các nguồn lực từ bên ngoài.

- Đề xuất các định hướng, nhiệm vụ và giải pháp để đẩy nhanh việc thực hiện các khâu đột phá chiến lược; hướng tới phát triển bền vững trên cả 3 trụ cột: Kinh tế, xã hội và môi trường trong tỉnh và đảm bảo phát triển bền vững trong dài hạn.

- Tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo tính kết nối đồng bộ giữa quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng Tây Nguyên và quy hoạch tỉnh nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh để phát triển nhanh và bền vững.

3. Nội dung lập quy hoạch

a. Yêu cầu

- Định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội phải đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trên cả 3 trụ cột: Kinh tế, xã hội và môi trường; phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế, các cam kết trong các điều ước quốc tế đa phương và song phương mà Việt Nam là thành viên.

- Đảm bảo tính liên kết, đồng bộ, khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng hiện có giữa các ngành và các vùng liên huyện, các địa phương trên địa bàn tỉnh; xác định cụ thể các khu vực sử dụng cho mục đích quân sự, quốc phòng, an ninh ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện.

- Xây dựng và cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an

sinh xã hội; chú trọng thúc đẩy phát triển các khu vực có điều kiện khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và đảm bảo sinh kế bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo tồn các giá trị lịch sử - văn hóa, di sản thiên nhiên cho các thế hệ hiện tại và tương lai.

- Ứng dụng công nghệ hiện đại, số hóa, thông tin, cơ sở dữ liệu trong quá trình lập Quy hoạch; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển, hội nhập quốc tế và liên kết vùng.

b. Nội dung

Nội dung quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện theo các quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017 và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Kon Tum và thực trạng phát triển kinh tế - xã hội:

- Phân tích, đánh giá và dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của Tỉnh.

- Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn.

- Đánh giá về việc thực hiện các chiến lược, chương trình, quy hoạch và các dự án liên quan trong thời kỳ Quy hoạch trước, dự báo tác động trong thời kỳ Quy hoạch mới trên địa bàn.

- Xác định những tồn tại, hạn chế cần giải quyết; điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức trong thời kỳ Quy hoạch.

b) Xây dựng quan điểm, xác định mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển, phương án quy hoạch, phương hướng phát triển các ngành quan trọng và phương án tổ chức hoạt động

kinh tế - xã hội trên địa bàn Tỉnh:

- Xây dựng quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển.

- Xác định phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn.

- Xây dựng và lựa chọn các phương án:

+ Phương án quy hoạch hệ thống đô thị; phương án phát triển đô thị tỉnh lỵ và các thị xã, thị trấn trên địa bàn Tỉnh;

+ Phương án phát triển hệ thống khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao; khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; phương án phát triển các cụm công nghiệp;

+ Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; phương án phân bố hệ thống điểm dân cư;

+ Xác định khu quân sự, an ninh; phương án phát triển những khu vực khó khăn; phương án phát triển những khu vực có vai trò động lực;

+ Phương án phát triển mạng lưới giao thông; mạng lưới cấp điện; mạng lưới viễn thông; mạng lưới thủy lợi, cấp nước; các khu xử lý chất thải;

+ Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội;

+ Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện;

+ Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện;

+ Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn Tỉnh;

+ Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn Tỉnh;

+ Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả

tác hại do nước gây ra;

- + Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn Tỉnh;
- + Xây dựng danh mục dự án của Tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện;
- + Hệ thống các giải pháp, nhiệm vụ và nguồn lực thực hiện quy hoạch;

+ Xây dựng báo cáo quy hoạch gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh Kon Tum.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 16 tháng 4 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 518/QĐ-TTg về phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1. Phạm vi quy hoạch:

- Phía Đông giáp các tỉnh Lâm Đồng và Đồng Nai;
- Phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh
- Phía Nam giáp tỉnh Bình Dương;
- Phía Bắc giáp tỉnh Đắk Nông;
- Phía Tây Bắc tiếp giáp với Campuchia

2. Mục tiêu lập quy hoạch:

- Cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng ở cấp tỉnh về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bổ đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên cơ sở kết nối quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn;

- Sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn để sử dụng các nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững trong thời kỳ quy hoạch; đáp ứng yêu cầu phát triển của các ngành, lĩnh vực quan trọng; đáp ứng

yêu cầu bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu, quốc phòng, an ninh;

- Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực và yếu tố con người để đưa Bình Phước phát triển nhanh, toàn diện và bền vững. Đến năm 2030, Bình Phước trở thành tỉnh công nghiệp, quy mô GRDP đứng trong nhóm 15 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước; đến năm 2050, trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, phát triển toàn diện, bền vững;

- UBND tỉnh Bình Phước xây dựng các chỉ tiêu chủ yếu theo chủ trương, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo đảm tính cụ thể, khả thi, thực tiễn và tiến độ thực hiện.

3. Nội dung của quy hoạch

a. Yêu cầu

- Định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội phải đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế, các cam kết trong các điều ước quốc tế đa phương và song phương mà Việt Nam là thành viên;

- Đảm bảo tính liên kết, đồng bộ, khai thác

và sử dụng hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng hiện có giữa các ngành và các vùng liên huyện, các địa phương trên địa bàn tỉnh; xác định cụ thể các khu vực sử dụng cho mục đích quân sự, quốc phòng, an ninh ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện;

- Xây dựng và cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm công bằng xã hội, an sinh xã hội, chú trọng thúc đẩy phát triển các khu vực có điều kiện khó khăn, đặc biệt khó khăn và bảo đảm sinh kế bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo tồn các giá trị lịch sử - văn hóa, di sản thiên nhiên cho các thế hệ hiện tại và tương lai;

- Ứng dụng công nghệ hiện đại, số hóa, thông tin, cơ sở dữ liệu trong quá trình lập quy hoạch; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển, hội nhập quốc tế và liên kết vùng.

b. Nội dung quy hoạch

- Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Bình Phước:

+ Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Bình Phước về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội, môi trường, tài nguyên thiên nhiên;

+ Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất;

+ Đánh giá thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội;

+ Đánh giá hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng;

- Xây dựng quan điểm, xác định mục tiêu và lựa chọn các phương án phát triển trong thời kỳ quy hoạch:

+ Các nhiệm vụ trọng tâm cần giải quyết và các khâu đột phá của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch;

+ Phương hướng phát triển các ngành quan

trọng; phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác;

+ Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện;

+ Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch;

+ Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện;

+ Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch;

+ Nghiên cứu và đề xuất mô hình nhằm thực hiện liên kết kinh tế hiệu quả giữa Bình Phước với các tỉnh vùng kinh tế trọng điểm phía Nam;

+ Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên; chính sách và giải pháp tạo động lực phát triển theo mục tiêu quy hoạch;

+ Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển doanh nghiệp, tăng cường thu hút đầu tư trong và ngoài nước;

+ Phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội:

+ Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật;

+ Phương án quy hoạch và phát triển hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng;

+ Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện;

+ Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh;

+ Phương án xây dựng vùng liên huyện và các vùng huyện;

+ Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;

+ Phương án phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh;

+ Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn;

+ Phương án phát triển các ngành, lĩnh vực (bao gồm cả dịch vụ và kết cấu hạ tầng): công nghiệp; nông, lâm, ngư nghiệp; thương mại; giao thông vận tải; giáo dục - đào tạo; y tế và chăm sóc sức khỏe; văn hóa, thể thao;

- + Phương án phát triển kết cấu hạ tầng năng lượng, điện lực, dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt;
- + Phương án phát triển các Khu, cụm công nghiệp tập trung trên địa bàn;
- + Phương án phát triển hệ thống hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi;
- + Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông;
- + Phương án phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản;
- + Phương án phát triển công nghiệp công nghệ thông tin gắn với kinh tế số;
- + Phương án phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới, sáng tạo;
- + Phương án phát triển dịch vụ và cơ sở hạ tầng an sinh xã hội và chăm sóc người có công;
- + Phương án phát triển nhân lực chất lượng cao (bao gồm cả đào tạo nghề và dịch vụ việc làm);
- + Phương án xác định khu vực quốc phòng

(quân sự) - an ninh gắn kết với phát triển kinh tế - xã hội;

- + Phương án phát triển đô thị, các phân khu, vùng liên huyện, vùng huyện;
 - + Phương án khai thác khoáng sản;
 - + Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;
 - + Phương án sử dụng đất của tỉnh, lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện;
 - + Phương án bảo vệ môi trường, các khu xử lý chất thải, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; bảo vệ, khai thác, sử dụng, tài nguyên trên địa bàn tỉnh;
 - + Phương án phát triển của các huyện, thành phố;
- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/25.000 (Phần Quy hoạch sử dụng đất tại dự án đầu tư xây dựng vị trí đóng quân mới và Thao trường huấn luyện cho Trung đoàn Bộ binh 692 thuộc Sư đoàn Bộ binh 301 - Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội)

Ngày 16 tháng 4 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 521/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/25.000 (Phần Quy hoạch sử dụng đất tại dự án đầu tư xây dựng vị trí đóng quân mới và Thao trường huấn luyện cho Trung đoàn Bộ binh 692 thuộc Sư đoàn Bộ

binh 301 - Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

1. Vị trí, ranh giới và quy mô nghiên cứu

Khu đất nghiên cứu điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 thuộc địa giới hành chính xã Vân Côn và xã An Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, được giới hạn cụ thể như sau:

- Ranh giới vị trí khu đất xây dựng Thao trường huấn luyện được giới hạn như sau:

+ Phía Bắc và phía Đông giáp đất ruộng canh tác và nghĩa trang nhân dân thôn Phương Quan.

+ Phía Tây giáp đất ruộng canh tác và khu dân cư làng xóm thôn Phương Quan.

+ Phía Nam giáp tuyến đường tỉnh lộ 423.

- Ranh giới vị trí khu đất xây dựng doanh trại đóng quân được giới hạn như sau:

+ Phía Tây Bắc và Tây Nam giáp kênh Đào Nguyên.

+ Phía Đông Bắc và phía Đông giáp đất ruộng canh tác, nghĩa trang và khu dân cư xã An Thượng.

+ Phía Nam giáp khu dân cư dọc tuyến đường tỉnh lộ 423, đất nghĩa trang, đất chùa và một số xưởng sản xuất...

- Quy mô: Tổng diện tích các khu đất lập điều chỉnh khoảng: 47,61 ha, trong đó:

+ Diện tích khu đất nghiên cứu điều chỉnh cục bộ dành cho xây dựng Thao trường huấn luyện khoảng: 20,45 ha.

+ Diện tích khu đất nghiên cứu điều chỉnh cục bộ dành cho xây dựng doanh trại đóng quân khoảng: 27,16 ha.

2. Nguyên tắc điều chỉnh

- Không làm ảnh hưởng lớn đến tính chất, ranh giới, định hướng Quy hoạch chung Thủ đô và đảm bảo phù hợp chỉ tiêu đất đai cơ bản theo định hướng Quy hoạch chung Thủ đô được duyệt.

- Đảm bảo khớp nối đồng bộ về không gian kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài khu vực nghiên cứu. Không làm ảnh hưởng đến giao thông, thoát nước... chung của khu vực.

- Các nội dung khác không thuộc nội dung điều chỉnh của khu vực nghiên cứu điều chỉnh này được giữ nguyên theo Quy hoạch chung Thủ đô và các đồ án quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt.

3. Nội dung điều chỉnh

Theo Quy hoạch chung Thủ đô đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, khu đất nghiên cứu điều chỉnh nằm trong khu vực xác định chức năng là đất nông nghiệp và đất cây xanh, công viên vui chơi giải trí được điều chỉnh thành đất an ninh quốc phòng (để thực hiện dự án xây dựng thao trường huấn luyện và doanh trại đóng quân Trung đoàn 692 thuộc Sư đoàn Bộ binh 301 - Bộ Tư lệnh Thủ đô), với chỉ tiêu được xác định như sau:

TT	Theo Quy hoạch chung Thủ đô được duyệt			Theo phương án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung			Ghi chú
	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
Ô 1	Đất nông nghiệp	20,45	42,95	Đất quân đội, an ninh quốc phòng	20,45	42,95	Thực hiện dự án đầu tư xây dựng thao trường huấn luyện
Ô 2	Đất cây xanh, công viên, vui chơi giải trí	27,16	57,05	Đất quân đội, an ninh quốc phòng	27,16	57,05	Thực hiện dự án đầu tư xây dựng vị trí đóng quân mới
Tổng cộng		47,61	100		47,61	100	

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Long An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 16 tháng 4 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 522/QĐ-TTg phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Long An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1. Phạm vi quy hoạch: Phần lãnh thổ tỉnh Long An với tổng diện tích tự nhiên là 4.494,94 km².

- Phía Bắc: Tiếp giáp với Vương Quốc Campuchia

- Phía Nam: Tiếp giáp với tỉnh Tiền Giang

- Phía Đông: Tiếp giáp với Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Tây Ninh

- Phía Tây: Tiếp giáp với tỉnh Đồng Tháp

2. Mục tiêu lập quy hoạch

- Cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng ở cấp tỉnh về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bố đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên cơ sở kết nối quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

- Quy hoạch tỉnh làm cơ sở để xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đưa ra các quan điểm phát triển của tỉnh, thiết lập tầm nhìn và xác định các mục tiêu phát triển tổng quát, cụ thể của tỉnh; sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn để sử dụng các nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững trong thời kỳ Quy hoạch; hình thành danh mục các dự án, thứ tự ưu tiên, cũng như các giải pháp và nguồn lực thực hiện Quy hoạch.

- Là công cụ pháp lý quan trọng để tỉnh

quản lý và huy động các nguồn lực phát triển; là cơ sở để tỉnh lập các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hội nhập, đối ngoại; là cơ sở để xây dựng các kế hoạch kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn; là cơ sở để lập các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị - nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành tại tỉnh.

3. Nội dung của quy hoạch

a. Yêu cầu

- Định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bố nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội phải đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trên cả 3 trụ cột: Kinh tế, xã hội và môi trường; phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế, các cam kết trong các điều ước quốc tế đa phương và song phương mà Việt Nam là thành viên.

- Đảm bảo tính liên kết, đồng bộ, khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng hiện có giữa các ngành và các vùng liên huyện, các địa phương trên địa bàn tỉnh; xác định cụ thể các khu vực sử dụng cho mục đích quân sự, quốc phòng, an ninh ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện.

- Xây dựng và cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội; chú trọng thúc đẩy phát triển các khu vực có điều kiện khó khăn, khu vực biên giới và đảm bảo sinh kế bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; phân bố, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo tồn các giá trị lịch sử - văn hóa, di sản thiên nhiên cho các thế hệ hiện tại và tương lai.

- Ứng dụng công nghệ hiện đại, số hóa,

thông tin, cơ sở dữ liệu trong quá trình lập Quy hoạch; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển, hội nhập quốc tế và liên kết vùng.

b. Nội dung quy hoạch

Nội dung Quy hoạch tỉnh Long An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải thực hiện theo đúng các quy định tại Điều 27, Luật Quy hoạch năm 2017 và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NQ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của Tỉnh.

- Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn.

- Đánh giá về việc thực hiện Quy hoạch thời kỳ trước.

- Xây dựng quan điểm, xác định mục tiêu và lựa chọn các phương án phát triển, phương án quy hoạch, phương hướng phát triển các ngành quan trọng và phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn Tỉnh:

+ Xây dựng quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh.

+ Xác định phương hướng phát triển các

ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh.

+ Xây dựng và lựa chọn các phương án: Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội; Phương án quy hoạch và phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, các khu vực và khu chức năng; phương án tổ chức lãnh thổ và phân bố dân cư; Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện; Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng hóa sinh học trên địa bàn tỉnh; Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh; Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện.; Hệ thống các giải pháp, nhiệm vụ và nguồn lực thực hiện quy hoạch.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch tuyên truyền bảo vệ chủ quyền và phát triển bền vững biển, đảo Việt Nam năm 2020 của Bộ Xây dựng

Ngày 22 tháng 04 năm 2020, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 507/QĐ-BXD ban hành Kế hoạch tuyên truyền bảo vệ chủ quyền và phát triển bền vững biển, đảo Việt Nam năm 2020 của Bộ Xây dựng.

Đối tượng áp dụng

Các đơn vị thuộc Bộ, các Viện, Trường, các Tổng Công ty, Trung tâm thông tin, Báo Xây dựng, Tạp chí Xây dựng và toàn thể cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức người lao động ngành Xây dựng.

Nội dung tuyên truyền:

- Tuyên truyền về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến biển, đảo Việt Nam.

- Tuyên truyền các văn bản luật pháp quốc tế, thỏa thuận song phương và đa phương giữa Việt Nam và các quốc gia, các tổ chức có liên quan đến biển, đảo; đặc biệt là các văn bản có liên quan đến ngành Xây dựng.

- Tuyên truyền những chứng cứ lịch sử và pháp lý khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối

với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; truyền thống anh hùng cách mạng, sức mạnh, tinh thần đoàn kết, ý chí quyết tâm bảo vệ lãnh thổ, bảo vệ chủ quyền thiêng liêng biển đảo Việt Nam của cả hệ thống chính trị và toàn dân.

- Vị trí, vai trò, tiềm năng của biển, đảo Việt Nam; phát triển kinh tế biển đảo, đặc biệt là những ngành kinh tế có liên quan đến lĩnh vực xây dựng: xây dựng các khu kinh tế, các khu công nghiệp tập trung và khu chế xuất ven biển gắn với phát triển các khu đô thị ven biển; phát triển vật liệu xây dựng phục vụ công trình ven biển và hải đảo góp phần phát triển bền vững kinh tế biển gắn liền với đảm bảo an ninh quốc

phòng, bảo vệ tài nguyên môi trường biển, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Lồng ghép tuyên truyền về đường lối chủ trương liên quan đến biển đảo trong các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Xây dựng ban hành trong năm 2020.

- Xây dựng chương trình Kế hoạch hành động, biện pháp cụ thể tăng cường hiệu quả công tác thông tin tuyên truyền về bảo vệ chủ quyền và phát triển bền vững biển, đảo Việt Nam của Ngành Xây dựng.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại (www.moc.gov.vn)

Thông tư hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam

Ngày 17/04/2020, Bộ Xây dựng đã ban hành văn bản hợp nhất số 10/VBHN-BXD: Thông tư hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động tại Việt Nam

Đối tượng áp dụng: Thông tư này áp dụng đối với nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam gồm: lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng, nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng; bảo hành, bảo trì công trình xây dựng; cung cấp vật tư - thiết bị công nghệ kèm theo dịch vụ kỹ thuật liên quan đến công trình xây dựng và các hoạt động khác có liên quan đến xây dựng công trình.

Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây

dựng đối với tổ chức (nhà thầu nước ngoài)

Nhà thầu nước ngoài nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ tới cơ quan cấp giấy phép hoạt động xây dựng bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng được quy định theo mẫu;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) văn bản về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hoặc hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp.

- Bản sao hoặc bản tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) giấy phép thành lập (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức) và chứng chỉ hành nghề (nếu có) của nước, nơi mà nhà thầu nước ngoài mang quốc tịch cấp hoặc nơi mà nhà thầu đang thực hiện dự án cấp.

- Tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) biểu báo cáo kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến công việc nhận thầu và báo cáo tổng

hợp kết quả kiểm toán trong 3 năm gần nhất (đối với trường hợp nhà thầu nhận thực hiện gói thầu thuộc đối tượng không bắt buộc phải áp dụng theo quy định của pháp luật đấu thầu của Việt Nam).

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc hợp đồng với nhà thầu phụ Việt Nam (có trong hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ chào thầu), trong đó xác định rõ phần việc mà nhà thầu Việt Nam thực hiện.

- Giấy ủy quyền hợp pháp đối với người không phải là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu.

- Tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) quyết định đầu tư dự án hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư.

Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng đối với cá nhân (nhà thầu nước ngoài)

- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng quy định theo mẫu.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) văn bản kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hoặc hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) giấy phép hoạt động hoặc chứng chỉ hành nghề do nước mà cá nhân mang quốc tịch hoặc nơi mà cá nhân thực hiện dự án cấp và bản sao hộ chiếu cá nhân.

- Tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) quyết định đầu tư dự án hoặc giấy chứng nhận

đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư.

Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng được làm bằng tiếng Việt. Bản sao giấy phép hoạt động hoặc chứng chỉ hành nghề tư vấn do nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam và các nước có liên quan là thành viên có quy định về miễn trừ hợp pháp hóa lãnh sự. Các giấy tờ, tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Quy trình cấp giấy phép hoạt động xây dựng

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan cấp phép hoạt động xây dựng có trách nhiệm xem xét hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đúng, không đủ theo quy định phải thông báo và hướng dẫn một lần bằng văn bản cho nhà thầu biết để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời gian 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan cấp giấy phép hoạt động xây dựng xem xét và cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định để được cấp giấy phép hoạt động xây dựng thì cơ quan cấp phép phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết.

- Nhà thầu có trách nhiệm nộp lệ phí khi nhận giấy phép hoạt động xây dựng hoặc giấy phép điều chỉnh hoạt động xây dựng theo quy định của Bộ Tài chính.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

Xem toàn văn tại (www.moc.gov.vn)

Bộ Xây dựng ban hành Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BXD: Nghị định về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng

Ngày 27/4/2020 Bộ Xây dựng đã ban hành Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BXD: Nghị định về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng.

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Nghị định này quy định về các hoạt động xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sỹ) và cơ sở hỏa táng.

- Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động liên quan đến nghĩa trang, cơ sở hỏa táng trên lãnh thổ nước Việt Nam.

Các nguyên tắc đối với hoạt động xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng

- Tất cả các nghĩa trang, cơ sở hỏa táng phải được quy hoạch. Việc quy hoạch, đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng tuân thủ pháp luật về quy hoạch, xây dựng, bảo vệ môi trường).

- Khuyến khích đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng phục vụ cho nhiều địa phương, sử dụng hình thức táng mới văn minh, hiện đại nhằm tiết kiệm tối đa đất, kinh phí xây dựng và đảm bảo yêu cầu môi trường và cảnh quan xung quanh.

- Việc quản lý đất nghĩa trang, cơ sở hỏa táng phải tuân thủ theo pháp luật về đất đai, tiết kiệm và hiệu quả, bảo đảm an toàn, an ninh và vệ sinh môi trường.

- Việc táng được thực hiện trong các nghĩa trang, trường hợp táng trong các khuôn viên nhà ở, nhà chùa, thánh thất tôn giáo phải đảm bảo vệ sinh môi trường và được sự chấp thuận của UBND các cấp theo phân cấp của UBND cấp tỉnh.

- Việc táng phải phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán tốt, truyền thống văn hóa

và nếp sống văn minh hiện đại.

- Vệ sinh trong mai táng, hỏa táng và vệ sinh trong xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng thực hiện theo quy định của Bộ Y tế.

- Chủ đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng có trách nhiệm quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng theo quy định của Nghị định này và các quy định hiện hành có liên quan.

- Các đối tượng bảo trợ xã hội khi chết được hỗ trợ chi phí mai táng theo quy định hiện hành.

- Người sử dụng dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng phải tuân thủ các quy định về quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng theo quy định của Nghị định này và các quy định hiện hành khác có liên quan.

- Cơ quan quản lý nhà nước về nghĩa trang theo phân cấp của UBND cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng; kiến nghị hoặc xử lý các vi phạm về quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn theo thẩm quyền.

Quy chuẩn kỹ thuật xây dựng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng

- Quy hoạch, xây dựng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

- Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng.

Đầu tư xây dựng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng

- Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng theo quy định của pháp luật. Đầu tư xây dựng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng bao gồm:

+ Nhà nước đầu tư xây dựng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng bằng nguồn vốn ngân sách, các nguồn vốn huy động khác hoặc đầu tư xây dựng nghĩa trang theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao.

+ Các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng bằng nguồn vốn nhà nước ngoài ngân sách hoặc nguồn vốn hợp pháp khác.

- UBND cấp tỉnh tổ chức lựa chọn chủ đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng theo quy định pháp luật hiện hành về đầu tư, xây dựng.

Xây dựng mới hoặc mở rộng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng

- Xây dựng mới hoặc mở rộng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng phải tuân theo quy hoạch xây dựng, quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng hoặc quy

hoạch ngành có liên quan được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Các công trình hạ tầng kỹ thuật trong nghĩa trang và cơ sở hỏa táng phải được xây dựng đồng bộ.

- Xây dựng mộ, bia mộ, nhà lưu tro cốt và các công trình trong nghĩa trang, cơ sở hỏa táng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng.

- Kích thước, kiểu dáng các mộ, bia mộ và khoảng cách giữa các lô mộ, hàng mộ, các mộ; kích thước ô để lộ tro cốt phải tuân thủ theo quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 5 năm 2016.

Xem toàn văn tại (www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh

Ngày 27 tháng 3 năm 2020, UBND tỉnh Khánh Hòa đã có Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Phạm vi điều chỉnh

- Quy chế này quy định về nguyên tắc, trách nhiệm phối hợp giữa Sở Xây dựng, UBND các cấp, đơn vị có liên quan trong việc quản lý, kiểm tra, xử lý các vi phạm về trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Hành vi vi phạm trật tự xây dựng quy định tại quy chế này là các hành vi vi phạm được quy định tại Điều 15 và Điều 30 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ.

- Việc xử lý vi phạm quy định về khởi công xây dựng công trình liên quan đến công tác

quản lý trật tự xây dựng được thực hiện theo Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Đối tượng áp dụng

- Sở Xây dựng; Thanh tra Sở Xây dựng.

- UBND các huyện, thị xã Ninh Hòa, thành phố Cam Ranh và thành phố Nha Trang (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện); Phòng Quản lý đô thị thuộc thị xã và thành phố, Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc các huyện (sau đây gọi tắt là Phòng Quản lý xây dựng cấp huyện).

- UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã).

- Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong; Ban Quản lý khu du lịch Bán đảo Cam Ranh; Ban Quản lý Vịnh Nha Trang; Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại - Sở Công

thương; Các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước và các dịch vụ khác.

- Công chức, viên chức, thanh tra viên và người được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Các sở, ban, ngành và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý trật tự xây dựng.

- Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Các công trình xây dựng trong công tác quản lý trật tự xây dựng

- Nhà ở riêng lẻ (được quy định tại Khoản 2 Điều 3 Luật Nhà ở năm 2014).

- Công trình xây dựng có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc lập dự án đầu tư xây dựng.

- Công trình xây dựng có yêu cầu thẩm định thiết kế xây dựng trong trường hợp được miễn giấy phép xây dựng.

Nguyên tắc chung:

- Mọi vi phạm về trật tự xây dựng phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh, mọi hậu quả do vi phạm trật tự xây dựng gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.

- Đảm bảo xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan liên quan trong công tác quản lý, kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh. Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, không làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của các cơ quan liên quan.

- Đảm bảo sự thống nhất giữa Sở Xây dựng, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự xây dựng một cách chặt chẽ, đồng bộ, công khai, khách quan, công bằng, đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật.

- Đảm bảo tất cả các thông tin phản ánh của tổ chức, cá nhân về vi phạm trật tự xây dựng phải được kiểm tra, xử lý theo quy định của

pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân cùng tham gia giám sát. Thông tin phải được tiếp nhận và chuyển đến UBND các cấp, Thanh tra Sở Xây dựng để xử lý theo thẩm quyền.

- Việc quản lý trật tự xây dựng được thực hiện từ khi công trình được cấp giấy phép xây dựng hoặc từ khi công trình khởi công xây dựng đến khi công trình được bàn giao đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Trách nhiệm Sở Xây dựng và Thanh tra Sở Xây dựng

Trách nhiệm của Sở Xây dựng

- Tham mưu giúp Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành chung công tác quản lý nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc UBND cấp huyện thực hiện trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng theo thẩm quyền; nắm bắt tình hình trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh, báo cáo và đề xuất UBND tỉnh những biện pháp chấn chỉnh, khắc phục kịp thời; tổ chức tập huấn, phổ biến các văn bản pháp luật về trật tự xây dựng cho công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã.

- Kiểm tra, xử lý đối với hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện khi UBND cấp huyện buông lỏng quản lý.

- Xem xét trách nhiệm đối với công chức, viên chức, thanh tra viên thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi bao che, chậm xử lý hành vi vi phạm pháp luật về xây dựng

- Báo cáo định kỳ 6 tháng, một năm hoặc đột xuất cho UBND tỉnh và Bộ Xây dựng về tình hình công trình khởi công mới trên địa bàn; tình hình cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Trách nhiệm của Thanh tra Sở Xây dựng

- Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Sở Xây dựng.

- Trực tiếp kiểm tra, xử lý vi phạm quy định về trật tự xây dựng đối với các công trình:

+ Công trình cấp đặc biệt do Bộ Xây dựng cấp giấy phép xây dựng tại địa phương; Công

trình do Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng (trừ công trình nhà ở riêng lẻ).

+ Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư.

+ Công trình xây dựng thuộc dự án khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có quy hoạch chi tiết 1/500 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (trừ các công trình thuộc địa bàn quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong).

+ Công trình, nhà ở riêng lẻ nằm trên địa bàn từ hai huyện, thị xã, thành phố trở lên.

- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật xây dựng công tác quản lý nhà nước về trật tự xây dựng đối với UBND cấp huyện, UBND cấp xã theo kế hoạch định kỳ do Giám đốc Sở phê duyệt; kiểm tra đột xuất công trình đang thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Trách nhiệm của công chức, viên chức, thanh tra viên và người được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng

- Kiểm tra, phát hiện và tham mưu xử lý kịp thời những vi phạm trật tự xây dựng thuộc địa bàn quản lý.

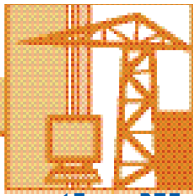
- Lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đối với công trình vi phạm đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và thời hạn xử lý theo quy định.

Trách nhiệm phối hợp xử lý đối với công trình vi phạm

- Đối với các công trình xây dựng sai quy hoạch, xây dựng không có giấy phép hoặc không đúng với giấy phép xây dựng được cấp, đã bị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng tổ chức, cá nhân vi phạm chưa thực hiện xong các biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm trật tự xây dựng gây ra. Sau khi nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm về trật tự xây dựng, các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư; Công an tỉnh; các cơ quan, tổ chức cung cấp các dịch vụ điện, nước và các dịch vụ khác phải thực hiện các biện pháp cần thiết theo quy định hiện hành để kịp thời ngăn chặn hành vi vi phạm về trật tự xây dựng.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Xem toàn văn tại
(www.khanhhoa.gov.vn)**



Nghiệm thu Nhiệm vụ “Nghiên cứu mở rộng ứng dụng thiết kế đô thị trong đồ án quy hoạch nhằm quản lý khai thác không gian tầng cao trong đô thị”

Ngày 28/4/2020, tại Hà Nội, Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng tổ chức cuộc họp nghiệm thu Nhiệm vụ “Nghiên cứu mở rộng ứng dụng thiết kế đô thị trong đồ án quy hoạch nhằm quản lý khai thác không gian tầng cao trong đô thị”.

Nhiệm vụ do nhóm nghiên cứu thuộc Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia (VIUP) thực hiện. Vụ trưởng Vụ Quy hoạch kiến trúc Trần Thu Hằng - Chủ tịch Hội đồng, chủ trì cuộc họp.

Tại cuộc họp, ThS. Nguyễn Xuân Anh - Chủ trì Nhiệm vụ cho biết, mục tiêu của Nhiệm vụ là nghiên cứu sự cần thiết, hiệu quả và xu thế của việc mở rộng ứng dụng bộ môn thiết kế đô thị trong quy hoạch và quản lý phát triển tầng cao trong đô thị; nghiên cứu điều chỉnh những bất cập trong ứng dụng thiết kế đô thị đối với quản lý tầng cao trong đô thị; đổi mới quy trình lập thiết kế đô thị trong quy hoạch; xây dựng khung nội dung thiết kế đô thị khi quy hoạch tầng cao trong đô thị; xây dựng phương pháp phối hợp giữa công tác thiết kế đô thị và các công cụ quản lý tầng cao trong đô thị.

Tại Việt Nam, với sự phát triển kinh tế đang diễn ra mạnh mẽ, xu thế nhà cao tầng đang nở rộ tại các đô thị. Quy mô các tòa nhà cũng như số tầng cao ngày càng tăng trong khi công tác quy hoạch và quản lý đô thị của Việt Nam vẫn còn những bất cập, số lượng khu đô thị mới đạt chuẩn còn hạn chế. Thực tế, những năm gần đây xuất hiện nhiều dự án nhà cao tầng có tính chất ăn xổi, xây chen vào khu dân cư, chất tải lên hạ tầng kỹ thuật hiện có. Bên cạnh đó, dịch vụ tiện ích trong các khu nhà ở cao tầng cũng là một vấn đề cần bàn đến, chất lượng kết cấu hạ tầng tại các đô thị còn thấp dẫn đến tình trạng ùn tắc giao thông



Toàn cảnh cuộc họp

diễn ra ngày càng nghiêm trọng. Vấn đề thoát nước, phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn khi có sự cố xảy ra cũng là một vấn đề nhức nhối đối với nhà ở cao tầng tại các đô thị Việt Nam những năm qua.

Hiện nay, phương pháp quy hoạch và quản lý xây dựng ở Việt Nam vẫn còn thiếu cơ sở lý luận mà dựa vào cảm tính, cụ thể: Thiếu lý luận kinh tế để định lượng nhu cầu phát triển cao tầng; thiếu lý luận hạ tầng kỹ thuật để định lượng tổng diện tích sàn có thể phát triển trong mỗi khu vực; thiếu lý luận về hình thái đô thị để định hướng phát triển chiều cao đô thị; thiếu những công cụ quản lý cần thiết; thiếu sự phối hợp trong công tác quản lý xây dựng và công tác kế hoạch nhằm tạo ra sự công bằng, hợp lý trong phân bổ quyền phát triển trong đô thị.

Do đó, nghiên cứu mở rộng ứng dụng thiết kế đô thị trong đồ án quy hoạch nhằm quản lý khai thác không gian tầng cao trong đô thị là rất cần thiết. Thiết kế đô thị có khả năng hỗ trợ công tác quản lý đô thị rộng hơn những ứng dụng hiện nay; là công cụ cơ bản trong các dự án chỉnh trang không gian đô thị; là công cụ cơ bản để xây dựng

quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc; là công cụ để đánh giá tác động đô thị của dự án đầu tư trong việc cấp phép xây dựng; là công cụ nghiên cứu giúp nhà quản lý, nhà đầu tư và người dân có thêm những hướng dẫn hữu ích và tìm được tiếng nói chung.

Sản phẩm của Nhiệm vụ bao gồm Báo cáo tổng kết; Hướng dẫn thiết kế đô thị trong quản lý tầng cao đô thị. Trong đó, Báo cáo tổng kết đề cập các nội dung tổng quan công tác quản lý tầng cao đô thị, các cơ sở khoa học, cơ sở pháp lý và kinh nghiệm trong nước, quốc tế về quản lý tầng cao đô thị, đề xuất chỉnh sửa, bổ sung hệ thống văn bản pháp quy về công tác quản lý tầng cao đô thị.

Theo ThS. Nguyễn Xuân Anh, Nhiệm vụ sau khi được nghiệm thu, ứng dụng thực tế sẽ góp phần điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu quản lý nhà nước về cao độ nền và thoát nước mặt đô thị; tạo cơ sở khoa học cho công tác quy hoạch quản lý tầng cao đô thị theo hướng phát triển bền vững và ứng phó tốt biến đổi khí hậu và nước biển dâng, góp phần cải thiện vấn đề thoát nước mặt và ngập úng trong đô thị; giúp cơ quan chuyên môn, cơ quan chức năng hiểu đúng, vận dụng hiệu quả những ưu điểm của thiết kế đô thị; mở rộng ứng dụng thiết kế đô thị trong quy hoạch và quản lý phát triển đô thị; nâng cao khả năng tự chủ của chính quyền đô thị; giúp định hình rõ rệt hơn công tác quản lý, phát triển đô thị; nâng cao năng lực quản lý quy hoạch và phát triển đô thị của các cơ quan quản lý nhà nước cũng như các đơn vị tư vấn về quy hoạch xây dựng trong công tác lập, quản lý tầng cao đô thị.

Để nâng cao chất lượng Báo cáo tổng kết, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng đã có những góp ý giúp

nhóm nghiên cứu tiếp thu và chỉnh sửa. Theo Hội đồng nhận xét, Báo cáo tổng kết có lượng thông tin phong phú, được trình bày mạch lạc, logic. Nhóm nghiên cứu đã vận dụng hiệu quả kiến thức thực tiễn vào việc phân tích, tổng hợp nguồn tư liệu đa dạng từ các công trình nghiên cứu trước đây của VIUP để phục vụ nghiên cứu. Tuy nhiên, nhóm nghiên cứu cần xem xét, biên tập lại phần tổng quan đảm bảo ngắn gọn và có trọng tâm hơn, đồng thời nhấn mạnh hơn nữa lý do, sự cần thiết phải thực hiện Nhiệm vụ”.

Kết luận cuộc họp, Vụ trưởng Trần Thu Hằng - Chủ tịch Hội đồng đánh giá, nhóm nghiên cứu thuộc VIUP đã dành nhiều thời gian, tâm huyết để thực hiện Nhiệm vụ. Sản phẩm nghiên cứu đầy đủ theo Hợp đồng đã ký. Báo cáo tổng kết đạt chất lượng, có sự dẫn chứng, phân tích từ nhiều nguồn tư liệu trong và ngoài nước, kết hợp khảo sát thực tế, có giá trị cả về lý luận và thực tiễn. Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu đã đề xuất được nhiều ứng dụng quan trọng trong thiết kế đô thị. Tuy nhiên, Báo cáo tổng kết vẫn còn một số thuật ngữ khoa học sử dụng chưa nhất quán, một số câu, đoạn còn trùng lặp ý nên cần được xem xét, chỉnh sửa.

Vụ trưởng Trần Thu Hằng đề nghị nhóm nghiên cứu tiếp thu đầy đủ ý kiến đóng góp của các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng, rà soát lại toàn bộ Báo cáo, chỉnh sửa biên tập các lỗi sử dụng thuật ngữ, lỗi trình bày, đánh máy, sớm hoàn thiện Báo cáo, trình lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng nhất trí bỏ phiếu nghiệm thu Nhiệm vụ “Nghiên cứu mở rộng ứng dụng thiết kế đô thị trong đồ án quy hoạch nhằm quản lý khai thác không gian tầng cao trong đô thị”, do nhóm nghiên cứu thuộc VIUP thực hiện.

Trần Đình Hà

Thẩm định Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn đến năm 2040

Ngày 7/5/2020, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng tổ chức hội nghị Thẩm định Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2040. Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn - Chủ tịch Hội đồng, chủ trì cuộc họp.

Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2040, do Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia lập. Trong quá trình thực hiện, đơn vị tư vấn đã tiếp thu, tổng hợp ý kiến đóng góp của các Bộ, ban ngành Trung ương và các Sở, ban ngành thuộc tỉnh Lạng Sơn.

Phạm vi ranh giới lập quy hoạch chung bao gồm toàn bộ địa giới hành chính các xã Công Sơn, Mẫu Sơn, huyện Cao Lộc; xã Mẫu Sơn huyện Lộc Bình và một phần các xã Khánh Xuân, Đồng Bục, Hữu Khánh, Yên Khoái thuộc huyện Lộc Bình. Quy mô nghiên cứu quy hoạch khoảng 14.964 ha, chia thành 7 phân khu với tính chất và mục đích sử dụng khác nhau. Trong đó, diện tích thuộc địa phận huyện Cao Lộc là 5.731ha và thuộc địa phận huyện Lộc Bình là 9.233ha. Dân số trong khu vực đạt 9.186 người (năm 2019), dự báo tăng lên 12 - 15 nghìn người vào năm 2030, đến năm 2040 dân số tăng lên khoảng 30 nghìn người.

Mẫu Sơn có lợi thế phong cảnh đẹp, khí hậu mát mẻ quanh năm, là nơi sinh sống của nhiều dân tộc với bản sắc văn hóa đậm đà và giá trị tâm linh độc đáo, rất thích hợp để phát triển du lịch nghỉ dưỡng, du lịch khám phá. Tuy nhiên, Mẫu Sơn cũng phải đối mặt với nhiều thách thức như địa hình chia cắt quá lớn dẫn đến chi phí xây dựng cao; hạ tầng giao thông, du lịch còn thiếu và yếu, sản phẩm du lịch ở địa phương còn nghèo nàn, lao động du lịch còn ít, thiếu trình độ

Mục tiêu của Đồ án là phát triển Khu du lịch



Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn kết luận Hội nghị

quốc gia Mẫu Sơn thành trung tâm du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí đặc sắc về văn hóa, tâm linh và du lịch sinh thái của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ và của cả nước; xây dựng đồng bộ các chức năng thương mại, dịch vụ, văn hóa thể thao, các khu dịch vụ lưu trú, nghỉ dưỡng cao cấp; phát triển cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động du lịch, phát triển dân cư, nghiên cứu khoa học, thiên nhiên, môi trường sinh thái, thu hút khách du lịch; tạo dựng việc làm cho người lao động địa phương; đảm bảo an ninh quốc phòng.

Bên cạnh đó, Đồ án còn nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị cảnh quan thiên nhiên văn hóa, tâm linh, tạo nên bản sắc đặc trưng Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn; định hướng tổ chức không gian, quy hoạch sử dụng đất, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, dịch vụ và vệ sinh môi trường đồng bộ cho Khu du lịch; làm cơ sở quản lý đầu tư xây dựng và kiểm soát phát triển Khu du lịch.

Đồ án bao gồm các nội dung đánh giá hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng tài nguyên rừng, dân số, hạ tầng kinh tế xã hội, hạ tầng kỹ thuật cũng như phân tích những cơ hội thách thức trong quá trình phát triển Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn, định hướng tầm nhìn và tính chất, xây

dựng sơ đồ tổ chức không gian Khu du lịch.

Đơn vị tư vấn cho biết, Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn được nghiên cứu, xây dựng dựa trên mối liên kết phát triển giữa khu du lịch này với các tỉnh, thành phố trong vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, các vùng thuộc tỉnh Lạng Sơn, đồng thời xác định các vấn đề cần giải quyết theo nhiệm vụ quy hoạch đã được duyệt trong Quyết định số 240 QĐ/TTg ngày 2/2/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030.

Đánh giá cao chất lượng Đồ án, song theo Hội đồng thẩm định, đơn vị tư vấn cần làm rõ cơ sở dự báo quy mô tăng dân số, phân tích ảnh hưởng của áp lực gia tăng dân số tới môi trường, cảnh quan, không nên phát triển dân số đông vì sẽ gây áp lực lên hạ tầng Khu du lịch; đưa ra phương án bảo vệ an toàn các khu dân cư ở dưới chân núi; chú trọng bảo vệ cảnh quan thiên nhiên Khu du lịch; đảm bảo tuân thủ đúng Quyết định số 240 QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ; rà soát các chương trình, dự án ưu tiên để xác định trọng điểm đầu tư phù hợp trong từng giai đoạn.

Đại diện Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị UBND tỉnh Lạng Sơn chú ý vấn đề xây dựng

sân golf, tránh làm ảnh hưởng đến diện tích rừng phòng hộ và cảnh quan xung quanh. Đại diện Bộ Công Thương đề nghị tỉnh Lạng Sơn xem xét việc bổ sung quỹ đất cho việc phát triển các Khu công nghiệp, cân nhắc việc đặt Khu công nghiệp ngoài Khu du lịch. Trong khi đó, đại diện Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch góp đề nghị đơn vị tư vấn cập nhật đầy đủ số liệu hiện trạng liên quan đến du lịch. Đại diện Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn lưu ý vấn đề chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, bổ sung các bản đồ rừng và tính toán kỹ việc chuyển đổi diện tích rừng để không ảnh hưởng đến môi trường, phòng tránh tình trạng sạt lở.

Kết luận hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn đề nghị đơn vị tư vấn làm rõ hơn nội dung đánh giá hiện trạng Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn, đặc biệt là các thông tin, số liệu về sử dụng đất, cơ sở của dự báo quy mô dân số, chú trọng xây dựng định hướng không gian cụ thể cho từng vùng, phát triển hạ tầng giao thông kết nối Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn với các khu vực khác thuộc tỉnh Lạng Sơn cũng như các tỉnh vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, đồng thời xem xét, tiếp thu ý kiến góp ý của các chuyên gia, thành viên Hội đồng để hoàn thiện Đồ án.

Trần Đình Hà

Nghiệm thu đề tài Soát xét, điều chỉnh, bổ sung, chuyển đổi TCXDVN 33:2006

Ngày 29/4/2020, tại Hà Nội, Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng tổ chức cuộc họp nghiệm thu đề tài Soát xét, điều chỉnh, bổ sung, chuyển đổi TCXD-VN 33:2006 thành TCVN "Cấp nước: Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế", do Hội Môi trường Xây dựng Việt Nam thực hiện. Phó Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Trần Anh Tuấn - Chủ tịch Hội đồng, chủ trì cuộc họp.

PGS.TS. Nguyễn Văn Tín - Chủ nhiệm đề tài cho biết, Tiêu chuẩn TCXDVN 33:2006 "Cấp nước: Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu

chuẩn thiết kế" đã được ban hành cách đây 14 năm, đến nay nhiều nội dung trở nên lạc hậu, không phù hợp với điều kiện thực tiễn. Do đó, việc soát xét, điều chỉnh, bổ sung, chuyển đổi Tiêu chuẩn này thành một Tiêu chuẩn mới thay thế là đặc biệt cần thiết và mang tính cấp bách, nhằm phục vụ công tác thiết kế, xây dựng các công trình trong nước, kể cả các công trình do nhà đầu tư nước ngoài xây dựng tại Việt Nam, tạo sự thống nhất trong công tác quản lý chất lượng công trình.

Tiêu chuẩn mới ban hành sẽ phù hợp với các quy định của Tổ chức Tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO).

Để thực hiện đề tài, nhóm nghiên cứu thuộc Hội Môi trường Xây dựng Việt Nam đã tiến hành nghiên cứu, thu thập thông tin, tài liệu mới nhất có liên quan, đặc biệt là tiêu chuẩn cùng loại của các nước ASEAN và một số nước nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa như Việt Nam. Tiêu chuẩn mới có sự cập nhật kịp thời thông tin các loại đường ống, vật liệu, thiết bị mới cũng như công nghệ tiên tiến trong lắp đặt mạng lưới đường ống cấp nước, công nghệ xử lý nước.

Với sự đầu tư của nhóm nghiên cứu cả về thời gian và trí lực, các sản phẩm của đề tài gồm Báo cáo thuyết minh, Dự thảo Tiêu chuẩn đã nhận được sự đánh giá cao của các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng. Bên cạnh đó, các thành viên Hội đồng đều nhất trí với sự cần thiết phải xây dựng và sớm ban hành một Tiêu chuẩn mới thay thế Tiêu chuẩn TCXDVN 33:2006.

Kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng Trần Anh Tuấn đánh giá cao sự nghiêm túc của nhóm nghiên cứu trong quá trình thực hiện đề tài. Báo cáo tổng hợp và Dự thảo Tiêu chuẩn đạt chất lượng tốt. Tuy nhiên trong Dự thảo Tiêu chuẩn, nhóm nghiên cứu cần xem xét bổ sung nội dung liên quan đến bảo vệ nguồn cấp nước



Toàn cảnh cuộc họp

mặt, vì hiện nay, phần lớn nhà máy cấp nước sử dụng nguồn nước mặt thay vì lấy nước ngầm. Chủ tịch Hội đồng Trần Anh Tuấn đề nghị nhóm nghiên cứu tiếp thu đầy đủ ý kiến góp ý của các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng, rà soát toàn bộ Báo cáo tổng hợp, chỉnh sửa các lỗi sử dụng thuật ngữ, lỗi đánh máy, hoàn thiện sản phẩm đề tài để trình lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng thống nhất bỏ phiếu nghiệm thu và thông qua Đề tài soát xét, điều chỉnh, bổ sung, chuyển đổi TCXDVN 33:2006 thành TCVN "Cấp nước: Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế".

Trần Đình Hà

Nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu giải pháp công nghệ tăng khả năng chống thấm nước của gạch bê tông”

Ngày 11/5/2020, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài “Nghiên cứu giải pháp công nghệ tăng khả năng chống thấm nước của gạch bê tông” - mã số: RD 93-16, do Viện Vật liệu xây dựng thực hiện. Vụ trưởng Vụ KHCN Bộ Xây dựng, PGS.TS Vũ Ngọc Anh làm Chủ tịch Hội đồng.

Tại cuộc họp, chủ nhiệm đề tài, TS. Nguyễn Dương Định cho biết, việc phát triển vật liệu xây

không nung (VLXKN) nói chung, gạch bê tông, gạch bê tông nhẹ nói riêng vào các công trình xây dựng hiện nay ở Việt Nam là một chủ trương đúng đắn của Chính phủ nhằm giữ gìn và bảo vệ môi trường, phù hợp với định hướng phát triển bền vững đất nước, đặc biệt hướng tới cắt giảm phát thải nhà kính. Việc phát triển VLXKN đến nay đã đạt được nhiều kết quả tích cực, Tuy nhiên, trong quá trình đưa các sản phẩm vật liệu này vào sử dụng trong công trình

xây dựng, với trường hợp gạch bê tông đã cho thấy độ thấm nước khá cao ảnh hưởng đến các cấu kiện xây dựng làm giảm tuổi thọ công trình cũng như gây mất mỹ quan. Do đó, nghiên cứu giải pháp để tăng khả năng chống thấm của gạch bê tông để đảm bảo chất lượng nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc sử dụng loại VLXKN này trong thực tế là cần thiết.

Nhận xét về kết quả thực hiện đề tài, các thành viên Hội đồng và hai ủy viên phản biện là PGS.TS Tạ Ngọc Dũng (Bộ môn CNVL Silicat, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội) và PGS.TS Nguyễn Văn Tuấn (Phó trưởng khoa VLXD, Trường Đại học Xây dựng) đánh giá đề tài có mục tiêu nghiên cứu rõ ràng, phù hợp với nội dung nghiên cứu của các sản phẩm chính. Nhóm tác giả đã đánh giá phân tích tổng quan về gạch bê tông, ảnh hưởng của các yếu tố công nghệ đến khả năng chống thấm của gạch bê tông, lựa chọn giải pháp sử dụng phụ gia khoáng, và các nghiên cứu thực nghiệm sử dụng phụ gia khoáng tăng khả năng chống thấm, đồng thời đề xuất cấp phối hợp lý tương ứng với hai công nghệ tạo hình phổ biến rung ép và ép tĩnh để khắc phục hiện tượng này. Các nội dung nghiên cứu này đều được thực hiện khá rõ ràng, có tính logic, phù hợp với mục tiêu đặt ra. Các sản phẩm nhóm nghiên cứu đã thực hiện đầy đủ theo hợp đồng ký kết, gồm báo cáo tổng kết, quy trình công nghệ và 5.000 viên gạch quy tiêu chuẩn đạt yêu cầu đặt ra.

Để hoàn thiện kết quả nhiệm vụ, các chuyên gia trong Hội đồng đề nghị nhóm nghiên cứu xem xét, sửa chữa, bổ sung một số nội dung. Theo đó, phần trình bày cần xem xét lại một số thuật ngữ để sử dụng chính xác hơn như: độ xốp - độ rỗng, nước tạo hình - độ ẩm tạo hình;



Toàn cảnh họp Hội đồng nghiệm thu
cần phân biệt thuật ngữ công nghệ tạo hình thực tế và phương pháp tạo hình trong phòng thí nghiệm mặc dù đều là rung ép và ép tĩnh. Phần tổng quan: Cần phân tích về thực trạng thiết bị công nghệ và đưa ra lý luận thêm về lựa chọn giải pháp sau khi phân tích các yếu tố công nghệ tác động đến khả năng chống thấm của gạch bê tông. Ngoài ra, nhóm tác giả cần chỉ ra các tính chất cần thiết thử cho nguyên vật liệu đầu vào, chỉ rõ loại tro bay sử dụng cũng như cần đưa ra tính toán cấp phối tương ứng với các mức gạch bê tông lựa chọn, và liên hệ với bài toán thực tế về cấp phối lựa chọn cho nghiên cứu; bổ sung quy trình trộn trong phòng thí nghiệm, quy trình bảo dưỡng mẫu...

Kết luận cuộc họp, TS Nguyễn Quang Hiệp (Phó Vụ trưởng Vụ Vật liệu xây dựng), Phó Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu tổng hợp các nhận xét, đánh giá và ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng, đề nghị nhóm thực hiện đề tài nghiêm túc tiếp thu để chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện nhiệm vụ.

Đề tài đã được Hội đồng nghiệm thu, với kết quả đạt loại Khá.

Ninh Hoàng Hạnh

Nghiệm thu nhiệm vụ KHCN “Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ lãnh đạo, chuyên môn quản lý xây dựng và đô thị các cấp”

Ngày 12/5/2020, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng tư vấn đánh giá đã họp nghiệm thu kết quả nhiệm vụ KHCN “Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ lãnh đạo, chuyên môn quản lý xây dựng và đô thị các cấp” - mã số: RD 84-17, do Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị (AMC) thực hiện. Chủ tịch Hội đồng, PGS.TS Vũ Ngọc Anh - Vụ trưởng Vụ KHCN (Bộ Xây dựng) chủ trì cuộc họp.

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Hội đồng, TS. Trần Hữu Hà – Giám đốc Học viện AMC cho biết, tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu căn cứ trên cơ sở Quyết định số 1961/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 10 năm 2010 về việc phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý xây dựng và phát triển đô thị đối với công chức lãnh đạo, chuyên môn đô thị các cấp giai đoạn 2010-2015” với mục tiêu chung nhằm nâng cao năng lực quản lý, điều hành cho công chức lãnh đạo, chuyên môn đô thị các cấp về công tác quản lý xây dựng và phát triển đô thị Việt Nam. Trong bối cảnh bước sang thế kỷ 21, hệ thống đô thị nước ta phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng, tuy nhiên công tác quản lý xây dựng và đô thị chưa theo kịp tốc độ phát triển của quá trình đô thị hóa. Một trong những nguyên nhân chủ yếu của vấn đề này được xác định là do hệ thống chính quyền đô thị chưa đủ năng lực quản lý, kiểm soát có hiệu quả tiến trình đô thị hóa; đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo, công chức chuyên môn phụ trách phát triển đô thị, chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn đòi hỏi.

Theo báo cáo, mục tiêu chung của nhiệm vụ là xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ lãnh đạo, chuyên môn đô thị thuộc chính quyền đô thị các cấp nhằm để Bộ Xây dựng theo dõi đánh giá và tổ chức đào tạo bồi dưỡng



Toàn cảnh họp Hội đồng nghiệm thu nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ này. Kết quả thực hiện nhiệm vụ, đề tài đã hoàn thành hai nội dung chính: Tổng hợp dữ liệu, khảo sát đánh giá thực trạng năng lực đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chuyên môn đô thị các cấp. Xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu đội ngũ nhân sự này.

Tại Hội đồng, hai ủy viên phản biện là TS. Trần Anh Tuấn – Phó Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng) và ThS. Nguyễn Thị Thanh Hằng – Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ (Bộ Xây dựng) đánh giá, kết quả nghiên cứu của đề tài cơ bản đã đáp ứng được các yêu cầu của nhiệm vụ đề ra, với 3 nội dung chính: Điều tra khảo sát đánh giá tổng hợp nguồn dữ liệu về cán bộ lãnh đạo đô thị các cấp; Xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu, tổ chức phổ biến sử dụng phần mềm; Nghiên cứu đề xuất với Bộ Xây dựng giao nhiệm vụ cho các đơn vị chức năng của Bộ thực hiện quản lý cơ sở dữ liệu.

Nhóm tác giả thực hiện đề tài đã thống kê các số liệu cơ bản về đội ngũ cán bộ lãnh đạo chuyên môn tại các đô thị trong cả nước; các quy định hiện hành đối với đội ngũ lãnh đạo chuyên môn đô thị các cấp quản lý; Xây dựng 03 mẫu phiếu tương ứng với 3 nhóm đối tượng để điều tra khảo sát thực trạng trình độ chuyên môn, năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ lãnh

đạo chuyên môn đô thị 3 cấp (tỉnh, huyện, xã) với 6.300 phiếu tại 4 vùng miền trên cả nước (khu vực phía Bắc, Miền Trung, Tây Nguyên, Miền Nam). Qua đó, đề xuất giải pháp như: Nâng cao trình độ năng lực của cán bộ chuyên môn đô thị các cấp; các chương trình đào tạo bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn theo từng nhóm đối tượng các cấp quản lý; phần mềm quản lý dữ liệu cán bộ lãnh đạo chuyên môn đô thị các cấp; phân công nhiệm vụ quản lý dữ liệu đội ngũ cán bộ này.

Bên cạnh đó, các thành viên Hội đồng cũng đóng góp một số ý kiến với nhóm tác giả thực

hiện nhiệm vụ ở một số nội dung như: Nên đề xuất bổ sung vào yêu cầu chung đối với 3 cấp quản lý đô thị một số nội dung được đánh giá hạn chế về kỹ năng phù hợp theo từng cấp quản lý; đề xuất phần mềm quản lý dữ liệu cán bộ là đề xuất mới cần thiết, tuy nhiên tính khả thi không cao bởi phải điều chỉnh các quy định pháp lý hiện hành, vì vậy cần đề xuất lộ trình thực hiện;...v.v

Hội đồng đã thống nhất nghiệm thu đề tài, kết quả đạt loại Khá.

Ninh Hoàng Hạnh

Nghiên cứu nâng cao độ bám dính của vữa trát trên bê tông khí chưng áp

Theo Báo cáo nghiên cứu của KS. Đinh Ngọc Đức, Viện Khoa học công nghệ xây dựng được trình bày tại Hội nghị Khoa học trẻ lần thứ XIV, bê tông khí chưng áp (AAC) là loại bê tông nhẹ với nhiều ưu điểm đang được Nhà nước hỗ trợ sản xuất và khuyến khích sử dụng. Các viên xây bê tông AAC được sản xuất ở nước ta có kích thước phổ biến là: Chiều dài 600mm, chiều cao 20-30mm, chiều rộng lần lượt là 100mm, 150mm và 200mm. Khối lượng thể tích của sản phẩm này dao động trong khoảng 600 - 800 kg/m³ và cường độ chịu nén trung bình dao động trong khoảng 3,5 - 6 MPa. Sản phẩm này mang lại hiệu quả cao trong cách âm, cách nhiệt và giảm tải trọng công trình. Tuy nhiên để đạt hiệu quả cao, tường bê tông AAC cần được bảo vệ kỹ trước tác động từ bên ngoài như các yếu tố thời tiết khác nhau. Do đó, vữa trát là một bộ phận không thể tách rời khi sử dụng loại vật liệu mới này.

Thực tế hiện nay, hiện tượng nứt và bong tróc lớp vữa trát trên khối xây bê tông AAC đang xảy ra ngày càng nhiều. Theo các quy định về thi công nghiệm thu, chất lượng vữa trát

đang được đánh giá chủ yếu thông qua cường độ chịu nén của vữa trên mẫu đúc. Cường độ bám dính giữa vữa trát với nền hiện nay chưa được nghiên cứu nhiều. Với gạch đất sét nung, việc tăng cường độ vữa tương ứng sẽ tăng cường độ bám dính. Khi thi công gạch xây đất sét nung, cần nhúng nước trước khi xây. Tuy nhiên, bê tông AAC là vật liệu mới có độ hút nước cũng như biến dạng ẩm lớn nên khi thi công, phải hạn chế nhúng nước.

Do không tạo độ ẩm ban đầu cho bê tông AAC nên việc hình thành liên kết bám dính giữa vữa trát với viên xây bị ảnh hưởng không nhỏ và cần được xem xét thêm. Do đó, việc nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng bám dính của vữa trát trên AAC, từ đó đưa ra các phương án khắc phục, nâng cao chất lượng vữa trát là cần thiết.

Ở Việt Nam, một số yêu cầu cần thiết cho vữa trát đã được xây dựng thành tiêu chuẩn quốc gia: Đối với hỗn hợp vữa sử dụng cho AAC và các loại bê tông nhẹ khác, các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định theo TCVN 9028:2011 Vữa cho bê tông nhẹ. Tuy nhiên, các chỉ tiêu này

chưa đánh giá đầy đủ, toàn diện các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng vữa trát và lớp trát. Các nghiên cứu trong đề tài này được tiến hành thí nghiệm tại viện Công nghiệp bê tông - IBST.

Vật liệu sử dụng

Viên xây bê tông AAC: Bê tông AAC sử dụng trong thí nghiệm là sản phẩm của công ty CP Bê tông AAC VIGLACERA. Trong toàn bộ các thí nghiệm sử dụng các viên xây bê tông AAC lấy từ cùng một mẻ sản phẩm tạo hình và chưng áp trong một chu kỳ sản xuất. Các mẫu được lưu giữ ổn định trong điều kiện phòng thí nghiệm trước khi tạo mẫu. Các trường hợp quy định riêng, độ ẩm của các mẫu thí nghiệm bê tông AAC tạo và duy trì ổn định với sai số không quá 5%.

Độ ẩm bão hòa của gạch AAC đạt 59% xác định sau khi ngâm ngập mẫu trong nước 24h và ủ ẩm 24h tiếp sau đó trong túi nilong buộc kín. Kết quả thí nghiệm khả năng hút nước ban đầu của gạch AAC theo thời gian trong 1h đầu tiên ngâm trong nước cho kết quả: Sau 5 phút độ ẩm đạt mức 8,0%; sau 10 phút đạt 24,4%; sau 15 phút đạt 27,4%; sau 30 phút đạt 32,1% và sau 60 phút đạt 38,0%.

Vật liệu chế tạo vữa, đề tài dùng xi măng Bút Sơn PCB30, cát có khối lượng riêng 2,67 g/cm³, nước sạch đảm bảo tiêu chuẩn TCVN 4560 - 2012 nước cho hỗn hợp bê tông và vữa. Phụ gia được chọn là loại phụ gia có khả năng giữ nước trong vữa, cụ thể là Culminal C8381.

Phương pháp thực hiện là phương pháp tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn. Trong đó, phương pháp tiêu chuẩn nhằm xác định cường độ bám dính, độ lưu động và thí nghiệm nén theo TCVN 3121-2003; phương pháp phi tiêu chuẩn để xác định khả năng giữ nước của hỗn hợp vữa được xác định là phần trăm lượng nước còn lại trong hỗn hợp vữa sau khi tiến hành thử nghiệm so với lượng nước trộn thực tế có trong hỗn hợp

vữa trước thí nghiệm. Hỗn hợp vữa sau khi trộn được điền đầy vào vòng kim loại có đường kính 100mm và chiều cao 12mm đặt trên lớp vải màn và 10 lớp giấy thấm kê trên tấm kính dày, có kích thước 150 x 150mm. Hỗn hợp vữa được lưu giữ trong thiết bị trên trong vòng 10 phút.

Khả năng giữ nước của hỗn hợp vữa được xác định hai lần cho mỗi mẫu hỗn hợp và được tính bằng trung bình cộng kết quả hai lần thí nghiệm khi giá trị kết quả lớn hơn không vượt quá 20% so với giá trị kết quả nhỏ hơn. Nếu vượt quá 20% thì loại bỏ cả 2 và tiến hành thí nghiệm lại. Khả năng hút nước của bê tông AAC được thử nghiệm bằng cách ngâm viên mẫu đã cân xác định khối lượng khô ngập nước, sau một khoảng thời gian nhất định lấy ra lau khô bề mặt và cân xác định lượng nước đã bị hút vào.

Kết quả và bàn luận

Ảnh hưởng của phụ gia đến tính chất của vữa trát: Sau khi thí nghiệm một số tính chất riêng của viên xây AAC, kết quả cho thấy đây là vật liệu hút nước rất mạnh trong thời gian đầu khi tiếp xúc với nước. Kết quả này tương đồng với các nghiên cứu trước đây. Nếu không có biện pháp giữ lại lượng nước trong vữa thì ngay sau khi trát, vữa trát sẽ bị mất nước rất nhanh và có thể gây thiếu nước thủy hóa xi măng dẫn đến suy giảm cường độ vữa cũng như ảnh hưởng đến sự bám dính giữa vữa và viên xây. Do đó, đề tài sử dụng thêm cấp phối có phụ gia Culminal C8381 nhằm xem xét khả năng giữ lại nước cho vữa và tác động của phụ gia này tới một số tính chất cơ bản của vữa trát. Bên cạnh đó, đề tài sử dụng các cấp phối vữa ở các cường độ khác nhau để đánh giá ảnh hưởng của cường độ nén đến khả năng bám dính.

Nhận xét

Độ lưu động của từng cấp phối vữa trát đều nằm trong phạm vi phù hợp với vữa sử dụng cho trát hoàn thiện được quy định trong yêu cầu

kỹ thuật đối với vữa trát ở tiêu chuẩn TCVN 4314:2003.

Đối với vữa trát thông thường, không sử dụng phụ gia thì mác vữa có ảnh hưởng không nhiều tới khả năng giữ nước của hỗn hợp vữa. Khả năng giữ nước được cải thiện đáng kể khi sử dụng phụ gia thì sự ảnh hưởng này chưa lớn. Khả năng giữ nước được cải thiện đáng kể sau khi tăng lượng dùng phụ gia đến mức phù hợp, từ 0,1% khối lượng xi măng lên 0,3%, khả năng giữ nước thay đổi từ 86,8% lên 93,5%. Đặc biệt mặc dù cùng sử dụng ở một cấp phối vữa, với phụ gia giữ nước Culminal C8381 khi sử dụng với tỉ lệ 0,3 xi măng thì độ giữ nước tăng lên rất đáng kể, từ 85,7% lên 93,5% so với khi không sử dụng phụ gia. Cường độ chịu nén của vữa đang là tiêu chí để đánh giá chất lượng của vữa trát trong hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam và nhiều nước trên thế giới.

Cường độ chịu nén của vữa có sự thay đổi khi sử dụng phụ gia. Với lượng sử dụng là 0,1% khối lượng xi măng, phụ gia Culminal C8381 đã gây ra suy giảm cường độ. Nguyên nhân là do phụ gia có tác động làm tăng độ lưu động của hỗn hợp và vữa. Tuy nhiên, nó kéo theo sự cuốn khí trộn. Những bọt khí bị cuốn vào hỗn hợp vữa gây ra sự rỗng xốp trong cấu trúc lớp vữa trát và cường độ suy giảm. Mặc dù nước sử dụng có giảm đi để phù hợp khả năng thi công kéo theo sự cải thiện cường độ nhưng với lượng bọt khí, cường độ vữa vẫn bị suy giảm, tuy sự suy giảm cường độ này là khá nhỏ.

Ảnh hưởng của độ ẩm nền đến cường độ bám dính của các loại vữa trát: Để tạo độ ẩm nền khác nhau, đề tài đã tiến hành tạo độ ẩm bằng cách ngâm ngập viên mẫu trong nước một thời gian phù hợp để vật liệu này hút đủ lượng nước tương ứng với độ ẩm cần thiết tiến hành thí nghiệm. Vớt mẫu ra rồi dùng túi nilong buộc kín mẫu, ủ trong 24h tiếp theo để lượng

nước hút và thấm đều trong viên mẫu, tránh tình trạng độ ẩm bề mặt ngoài có sai khác lớn so với độ ẩm của viên mẫu.

Đối với vữa trát thông thường không có phụ gia, ở một độ ẩm thích hợp là khoảng 25-30%, cường độ bám dính của vữa trát với nền đạt giá trị cao nhất và bắt đầu suy giảm ở các cấp độ ẩm tiếp theo sau đó. Khi viên xây có độ ẩm 0%, liên kết bám dính giữa vữa và viên xây không còn được hình thành. Khi độ ẩm viên xây quá cao, lớn hơn 35%, thì cường độ bám dính giữa vữa với viên xây ở mức thấp và giảm dần khi độ ẩm tiến dần về mức bão hòa.

Nền xây hút nước mang chất kết dính từ vữa trát vào bản thân nền, chất kết dính này sau khi đóng rắn sẽ tạo cường độ ở vùng tiếp giáp, tạo lực bám dính giữa vữa trát với nền xây. Khi độ ẩm nền tăng, sẽ hút nước yếu hơn, vữa sẽ giữ lại được lượng nước cần thiết để thủy hóa xi măng và đóng rắn tạo cường độ. Tuy nhiên khi nền hút nước quá nhiều thì vữa trát sẽ bị thiếu nước để thủy hóa xi măng, đặc biệt với nền gạch AAC có độ hút nước mạnh.

Khi sử dụng phụ gia Culminal C8381 với lượng dùng 0,3% xi măng ở cấp phối thông thường, kết quả thu được đã chỉ ra rằng, việc sử dụng phụ gia này làm thay đổi khả năng bám dính của vữa. Cường độ bám dính giữa vữa và viên xây thay đổi không quá lớn khi độ ẩm viên xây thay đổi trong khoảng 0 - 40%. Phụ gia Culminal C8381 có khả năng cải thiện độ giữ nước cho hỗn hợp vữa, giữ lại nước cho quá trình thủy hóa xi măng trong vữa, tránh hiện tượng nước bị hút quá nhiều vào trong nền. Đặc biệt là đối với nền khô. Qua đó, cường độ bám dính đạt mức tương đối ổn định khi sử dụng ở các độ ẩm nền khác nhau. Như vậy, với việc sử dụng phụ gia có khả năng hút nước cao, việc trát vữa trên nền hút ẩm mạnh như gạch AAC ở độ ẩm thấp vẫn đạt được cường độ bám dính

tốt. Ở độ ẩm thấp, cường độ chịu lực của bê tông được đảm bảo, tường xây bê tông AAC không bị tích nước gây tăng trọng lượng và những hệ quả không mong muốn khác khi tường chứa ẩm lớn.

Kết luận

Yêu cầu kỹ thuật đối với vữa trát cần bao gồm tính chất cơ lý của vữa và tính bám dính. Yêu cầu kỹ thuật này cần được gắn liền với loại

nền nhất định; Độ ẩm của nền xây AAC ảnh hưởng lớn đến độ bám dính của vữa với nền. Ở điều kiện khô 0%, vữa không bám dính. Với độ ẩm 25-30% thì vữa đạt đường độ bám dính cao nhất. Việc sử dụng phụ gia có khả năng giúp vữa giữ nước với liều lượng 0,3% xi măng cho phép cải thiện tính chất của vữa.

Trần Đình Hà

Công nghệ GIS trong kiến trúc và quy hoạch đô thị

Trong những năm gần đây, GIS trở thành một công cụ không thể thay thế trong công việc của các chuyên gia thuộc lĩnh vực quy hoạch đô thị, quy hoạch lãnh thổ, cải thiện đất đai, kiến trúc cảnh quan.

Phần mềm chuyên ngành của GIS cho phép đẩy nhanh và tự động hóa quy trình xử lý, chỉnh sửa và trực quan hóa các dữ liệu thông tin về lãnh thổ thông qua các chương trình máy tính và ứng dụng máy tính, bắt đầu từ các chương trình trực quan hóa, thiết kế các mô hình phân tích và kết thúc bằng việc giải mã các ảnh vệ tinh. GIS hình thành không gian thông tin thống nhất để trao đổi các dữ liệu liên ngành - địa lý, đo đạc trắc địa, môi trường sinh thái, đất học, xã hội học, giao thông...

Tại Liên bang Nga (và không chỉ tại Nga), GIS là một trong những công cụ quan trọng của quy hoạch lãnh thổ ở cấp liên bang, vùng miền và cấp chính quyền đô thị, và được áp dụng khi xây dựng các hệ thống thông tin như Hệ thống thông tin quốc gia bảo đảm hoạt động quy hoạch đô thị, hệ thống thông tin quốc gia Liên bang về quy hoạch lãnh thổ...

Trong thiết kế, GIS được sử dụng ở giai đoạn phân tích tiền thiết kế hoặc trong quá trình nghiên cứu khoa học khi cần phân tích các dữ liệu ban đầu và thể hiện các dữ liệu này dưới dạng sơ đồ và bản đồ trực quan.

Việc nghiên cứu công nghệ GIS hiện nay

đang được đưa vào chương trình đào tạo kiến trúc sư cảnh quan tại tất cả các trường đại học hàng đầu của Liên bang Nga, theo hình thức là môn học bắt buộc hoặc môn học chuyên khoa.

Trong số các ứng dụng GIS phổ biến và hữu ích nhất đối với các kiến trúc sư, cần nhắc tới QGIS và MapInfo. QGIS giúp xây dựng và xuất các sơ đồ, biểu đồ sang định dạng khác, sử dụng các dữ liệu về lãnh thổ từ các nguồn mở, tính toán các đặc tính hình học của công trình, tạo mẫu không gian, báo cáo thống kê, tiến hành phân tích địa hình... Ưu điểm của QGIS khá nhiều, đáng chú ý là duy trì dữ liệu đồ họa raster và vector, lập và hiệu chỉnh các bản vẽ, trực quan hóa và số hóa các bản đồ in.

Còn MapInfo là hệ thống thông tin địa lý, nhờ đó có thể tạo và chỉnh sửa bản đồ, lưu trữ và xử lý thông tin về các đối tượng được vẽ bản đồ.

Những kỹ năng thực tế trong công việc với QGIS và MapInfo rất hữu ích cả trong các hoạt động nghiên cứu khoa học. Vận dụng QGIS cho phép giải quyết các nhiệm vụ liên quan tới việc xử lý các kết quả phân tích và quy hoạch phát triển các khu vực dân cư về mặt chiến lược.

Vận dụng công nghệ GIS khi nghiên cứu các quy chế quy hoạch có tính tới việc bảo tồn các khu vực lịch sử mở ra nhiều cơ hội mới trong quá trình thiết kế các công trình trong không gian lịch sử, giúp bảo đảm tính toàn vẹn trong cấu trúc quy hoạch - kiến trúc của khu

vực, các đặc điểm xây dựng và diện mạo chung, đơn giản hóa việc nghiên cứu các tuyến tham quan du lịch mới nhiều tiềm năng. Nhờ GIS, có thể hình thành cơ sở dữ liệu thống nhất kèm mô tả các tính chất khác nhau của khu vực (chính cơ sở này sẽ cho phép giảm khối lượng và tăng độ chính xác của các khảo sát thực địa, tạo khả năng làm việc trong không gian thông tin thống nhất cho tất cả các thành viên tham gia dự án).

GIS cho phép lưu trữ và trực quan hóa dưới hình thức bản đồ có đồ họa thông tin, các bảng thông tin về số lượng và vị trí những công trình di sản văn hóa trong lãnh thổ khu vực, về các nghĩa vụ bảo tồn, chiều cao quy định, diện tích và mật độ xây dựng, về thời kỳ lịch sử và phong cách (style) xây dựng, vật liệu xây dựng, giải pháp màu sắc, giải pháp trang trí của các tòa nhà/ công trình, cũng như thông tin về việc thăm viếng, vị trí công trình, sự hiện hữu của hạ tầng giao thông và hạ tầng du lịch.

Trong thời gian tới đây, trong quá trình thiết kế, các bản đồ được lập bằng công nghệ GIS với những thông tin cần thiết có thể sẽ được xuất sang các tổ hợp phần mềm để tạo mô hình 3D của công trình và để nghiên cứu dự án.

Tác giả cũng muốn đề cập tới việc sử dụng (một cách có hệ thống) các công nghệ mô hình hóa thông tin công trình xây dựng - GIS và BIM. Việc khai thác vận dụng cả hai hệ thống này rất cần thiết trong công việc của các kiến trúc sư cảnh quan. GIS cho phép thu nhận thông tin về

lãnh thổ và mối tương quan của lãnh thổ đó với ngữ cảnh xung quanh. Còn BIM giúp lập các giải pháp thiết kế bên trong lãnh thổ. Tiếp theo, mô hình BIM có thể được xuất sang GIS để nâng cấp, và tăng độ chính xác của thông tin được thu nhận về lãnh thổ. Như vậy, sự tích hợp dần của GIS và BIM sẽ cho hiệu ứng tổng hợp - cho phép các kiến trúc sư không chỉ tiến hành phân tích tiền thiết kế (GIS) và mô hình hóa công trình xây dựng (BIM) mà còn dự báo tác động của các giải pháp thiết kế được đề xuất tới môi trường xung quanh (hệ sinh thái, hạ tầng giao thông, mật độ dân số...).

Khai thác công nghệ GIS hiện nay đã trở thành nhiệm vụ cần đối với tất cả các kiến trúc sư, các nhà thiết kế hoạt động trong lĩnh vực quy hoạch đô thị, quy hoạch lãnh thổ, đô thị học, kiến trúc cảnh quan, thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học. Xu thế số hóa các thành phố, ứng dụng các công nghệ thông minh trong việc cải thiện các không gian công cộng xanh của đô thị trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Chính điều này khiến sự kết hợp GIS và BIM trong lĩnh vực kiến trúc là tất yếu, có nghĩa là cần chú trọng việc kết hợp ứng dụng cả hai công nghệ trong quá trình đào tạo các chuyên gia trẻ.

N. Kasper

*Nguồn: Tạp chí Kiến trúc & Xây dựng Nga
số 4/2019*

ND: Lê Minh

Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân điện đàm với Chủ tịch Quốc hội Lào Pany Yathotou

Ngày 07/5/2020, tại Nhà Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân đã có cuộc điện đàm với Chủ tịch Quốc hội Lào Pany Yathotou để trao đổi về tình hình phòng, chống dịch COVID-19 ở mỗi nước, sự hợp tác giữa các nghị viện thành viên AIPA trước đại dịch COVID-19 và về tiến độ xây dựng Nhà Quốc hội Lào. Tham dự cuộc điện đàm về phía Việt Nam có Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội Nguyễn Văn Giàu, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà và Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội Nguyễn Thị Thúy Ngân.

Thay mặt Quốc hội Việt Nam, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân gửi lời hỏi thăm sức khỏe và những lời chúc tốt đẹp nhất đến các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Nhân dân Lào; chúc đất nước, nhân dân Lào dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào tiếp tục phát huy các kết quả đạt được để giành được nhiều thành tựu to lớn hơn nữa trong công cuộc xây dựng đất nước Lào ngày càng phần vinh, hạnh phúc.

Về tình hình phòng, chống đại dịch COVID-19, Chủ tịch Nguyễn Thị Kim Ngân đã chia sẻ với Chủ tịch Quốc hội Lào Pany Yathotou về tình hình phòng chống dịch COVID-19 tại Việt Nam. Theo đó, đến sáng ngày 7/5/2020 đã 22 ngày Việt Nam không có ca lây nhiễm COVID-19 mới trong cộng đồng. Việt Nam cũng đã chữa khỏi cho 232 bệnh nhân, chiếm 86% tổng số ca mắc. Với 271 ca nhiễm COVID-19 trên khoảng 100 triệu dân, hệ số lây nhiễm dịch bệnh ở Việt Nam thuộc nhóm thấp nhất thế giới. Các biện pháp phòng chống dịch đúng đắn, chi phí thấp của Việt Nam đã được các tổ chức quốc tế, các quốc gia đánh giá cao. Đến nay, Việt Nam đã cơ bản đẩy lùi được COVID-19.

Chủ tịch Quốc hội Pany Yathotou chúc mừng những thành công của Đảng, Nhà nước



Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân tại cuộc điện đàm với Chủ tịch Quốc hội Lào

và Nhân dân Việt Nam trong việc phòng, chống dịch bệnh COVID-19 và khẳng định những kinh nghiệm của Việt Nam trong phòng, chống dịch bệnh là bài học vô giá đối với các nước nói chung và đối với Lào nói riêng. Chủ tịch Pany Yathotou cũng chia sẻ về phía Lào cho đến sáng nay đã phát hiện 19 trường hợp nhiễm bệnh, trong đó có 8 trường hợp khỏi bệnh và không có ca bệnh tử vong. Trong thời gian dịch bệnh bùng phát, Chính phủ Lào cũng đã kịp thời ban hành các quy định chặt chẽ về phòng, chống dịch bệnh, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền để nâng cao ý thức bảo vệ sức khỏe của người dân. Lào cũng đã áp dụng các biện pháp quyết liệt như đóng cửa khẩu, tổ chức cách ly tập trung và tại nơi cư trú đối với lao động ở nước ngoài về nước. Hiện nay, Chính phủ Lào đang từng bước nới lỏng giãn cách xã hội, cho phép học sinh trở lại trường. Nhân dịp này, Chủ tịch Quốc hội Lào Pany Yathotou trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ kịp thời và đầy tình nghĩa của Đảng, Nhà nước và Nhân dân Việt Nam trong việc phòng, chống dịch bệnh trong thời gian vừa qua.

Với tư cách là Chủ tịch AIPA, trước việc thế giới và khu vực đang đối mặt với hiểm họa chưa từng có trong nhiều chục năm qua, Chủ tịch

Quốc hội Việt Nam Nguyễn Thị Kim Ngân khẳng định hơn bao giờ hết Cộng đồng ASEAN cần nêu cao tinh thần đoàn kết, chia sẻ, giúp đỡ và ủng hộ lẫn nhau trước đại dịch COVID-19. Mỗi nghị viện thành viên AIPA cần đồng hành, chung tay cùng Chính phủ các nước ASEAN đối phó với đại dịch bằng việc phát huy mạnh mẽ vai trò của mình, thông qua các biện pháp và chính sách do Chính phủ đề xuất nhằm ứng phó dịch bệnh; tạo thuận lợi phân bổ nguồn lực và tăng cường kết nối với người dân. Nghị sỹ của các nghị viện thành viên AIPA cần tiếp tục lan tỏa thông điệp đoàn kết, yêu thương, động viên mọi người dân và nhất là những lực lượng trên tuyến đầu chống dịch. Đảm nhiệm vai trò Chủ tịch AIPA năm 2020, Quốc hội Việt Nam đã tích cực, khẩn trương chuẩn bị và sẵn sàng tổ chức các hoạt động hội nghị trong khuôn khổ hoạt động Năm Chủ tịch AIPA. Trên tinh thần “gắn kết và chủ động thích ứng”, Chủ tịch Quốc hội khẳng định Quốc hội Việt Nam sẽ làm hết sức mình và cùng với sự ủng hộ, đồng lòng của các Nghị viện thành viên AIPA để đem lại thành công của Năm Chủ tịch, vì một môi trường sống hòa bình, an toàn, hạnh phúc cho người dân và sự phát triển bền vững, thịnh vượng của mọi quốc gia.

Chủ tịch Quốc hội Lào Pany Yathotou bày tỏ sự đồng tình sâu sắc với ý kiến của Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân và cho biết Quốc hội Lào ủng hộ việc chia sẻ kinh nghiệm giữa nghị viện các nước thành viên AIPA trong việc phòng, chống dịch bệnh COVID-19 theo tinh thần được thể hiện trong Thư của Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân gửi các vị Chủ tịch nghị viện thành viên AIPA vào ngày 30/3/2020. Đồng thời tin tưởng rằng Quốc hội Việt Nam sẽ tổ chức thành công Đại hội đồng AIPA-41 trong thời gian sắp tới.

Nhân dịp này, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân đã trân trọng mời Chủ tịch Quốc hội Lào Pany Yathotou tham dự Cuộc gặp lãnh đạo ASEAN-AIPA tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần



Toàn cảnh cuộc làm việc

thứ 36 dự kiến tổ chức vào cuối tháng 6 năm 2020 tại Đà Nẵng. Chủ tịch Quốc hội Lào Pany Yathotou đã vui vẻ nhận lời.

Về công trình xây dựng Nhà Quốc hội mới của Lào, hai bên khẳng định đây là món quà của Đảng, Nhà nước và Nhân dân Việt Nam tặng Đảng, Nhà nước và Nhân dân Lào, là công trình có ý nghĩa chính trị - đối ngoại, biểu tượng sâu đậm của mối quan hệ hữu nghị vĩ đại, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam – Lào. Đến nay, về cơ bản, việc triển khai xây dựng công trình bảo đảm được tiến độ đặt ra. Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân và Chủ tịch Quốc hội Lào Pany Yathotou cũng đã trao đổi, thống nhất các giải pháp để tháo gỡ những khó khăn xuất phát từ những quy định về phòng, chống dịch bệnh COVID-19, ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình. Theo đó, hai bên thống nhất tạo điều kiện để bổ sung 100 lao động kỹ thuật cao của Việt Nam tham gia hoàn thiện công trình; cho phép được nhập khẩu các trang, thiết bị phục vụ cho công trình và sớm hoàn thiện các phần thiết kế nội thất còn lại. Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân và Chủ tịch Quốc hội Lào Pany Yathotou cùng khẳng định mặc dù đại dịch COVID-19 đã có những tác động ảnh hưởng đến việc xây dựng công trình nhưng hai bên quyết tâm chỉ đạo, tạo mọi điều kiện để hoàn thành cơ bản công trình vào khoảng thời gian cuối tháng 12 năm 2020 và những ngày đầu tháng 01 năm 2021 để chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của

Đảng Nhân dân Cách mạng Lào.

Nhân dịp này, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân và Chủ tịch Quốc hội Lào Pany Yathotou cũng đã thống nhất sẽ tiếp tục thảo luận các nội dung được Quốc hội hai bên cùng quan tâm thông qua hình thức điện đàm vào các

dịp phù hợp để kịp thời trao đổi, chia sẻ cũng như chủ động thích ứng với yêu cầu của công tác phòng, chống dịch bệnh.

Phòng Truyền thông Bộ Xây dựng

Hội nghị Thủ tướng Chính phủ với doanh nghiệp “Cùng nỗ lực, vượt thách thức, đón thời cơ, phục hồi nền kinh tế”

Hội nghị Thủ tướng Chính phủ với doanh nghiệp “Cùng nỗ lực, vượt thách thức, đón thời cơ, phục hồi nền kinh tế” diễn ra ngày 9/5/2020 thu hút hơn 800.000 doanh nghiệp cùng 5 triệu hộ kinh doanh tham gia. Hội nghị được tổ chức theo hình thức trực tuyến tại 96 điểm cầu và truyền hình trực tiếp trên sóng Đài Truyền hình Việt Nam, nhằm tăng cường sự tương tác, kết nối giữa Chính phủ với cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước.

Tại điểm cầu trực tuyến Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà và lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng đặc biệt quan tâm, theo dõi hội nghị và tiếp thu đầy đủ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Phát biểu khai mạc hội nghị, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cho biết, hiện nay chúng ta đang ở vào thời khắc mang tính bước ngoặt mới của lịch sử, không chỉ đối với Việt Nam mà còn đối với nhiều quốc gia trên thế giới do đại dịch mang tên COVID-19 gây ra. Trước thách thức đó, Việt Nam đã theo đuổi chiến lược, mục tiêu kép, một mặt vừa phòng chống dịch, mặt khác vẫn đảm bảo duy trì hoạt động kinh tế tối thiểu, đi kèm với các cải cách thể chế và tái cơ cấu để ngọn lửa tăng trưởng phải cháy và có thể sớm bùng lên trở lại khi dịch bệnh được kiểm soát tốt.

Trên phương diện y tế, mô hình chống dịch của Việt Nam được nhiều nước, tổ chức quốc tế và Tổ chức Y tế thế giới đánh giá cao. Đó là do dân tộc ta đã có sẵn chất đề kháng của tinh



Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại hội nghị trực tuyến (Ảnh: VGP/Quang Hiếu)

thần đoàn kết, tiếp đó là tính kỷ luật và tuân thủ của người dân. Điều này cho thấy một chân lý đó là nếu mỗi người chấp nhận hy sinh một phần nhỏ lợi ích của mình thì tất cả đều được lợi. Mặt khác, Đảng, Nhà nước ta đã có quyết sách đúng, quyết liệt, kịp thời, đồng bộ. Chúng ta không chủ quan nhưng cũng đừng lo lắng vì chúng ta đã kiểm soát được dịch COVID-19 trong thời gian qua, cơ bản đẩy lùi COVID-19 ở Việt Nam.

Thủ tướng nhắc lại, khi các lệnh giãn cách được nới lỏng, dịch bệnh đã đi qua, cuộc sống xã hội dần trở lại bình thường, nền kinh tế đã như chiếc lò xo bị nén lại và giờ là lúc sẵn sàng để bung ra. Với tinh thần đó, chúng ta phải tập trung hơn nữa, khởi động lại nền kinh tế Việt Nam, phấn đấu GDP đạt mức tăng trưởng trên 5%, đồng thời phải kiểm soát lạm phát dưới 4%. Muốn như vậy chúng ta phải tập trung: Thu

hút đầu tư các thành phần kinh tế trong nước, trước hết là đầu tư tư nhân; thu hút FDI; đẩy mạnh xuất khẩu; thúc đẩy đầu tư công; khuyến khích tiêu dùng nội địa với dân số toàn quốc gần 100 triệu người.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành, phải xắn tay vào cuộc, các địa phương phải trực tiếp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Những ý kiến, đề xuất tại hội nghị phải nêu rõ được những hỗ trợ, chính sách nào, giải pháp mới mẻ đối với doanh nghiệp; cán bộ, công chức phải được quản lý tốt, chống lại sự vô cảm, tiêu cực, những nhiễu, gây khó dễ cho người dân và doanh nghiệp.

Đặc biệt, Thủ tướng nhấn mạnh, doanh nghiệp phải chủ động tham gia vào việc xây dựng luật pháp như một kế ước xã hội. Chính phủ đóng vai trò người bảo trợ cho các bộ kế ước đó được thực thi trên nguyên tắc công bằng, bình đẳng, minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả.

Thủ tướng đề nghị cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam: Phát huy mạnh mẽ tinh yêu Tổ quốc (vì làm việc gì mà không nghĩ đến Tổ quốc thì không thể thành doanh nghiệp lớn được. Yêu Tổ quốc cũng có nghĩa là phải thượng tôn pháp luật, phải có tinh thần chia sẻ); đoàn kết, vì mất đoàn kết là tự mình làm yếu mình, cần hợp tác với nhau; không nản chí vì nản chí là tự mình bỏ cuộc; năng động, quyết đoán, vì thụ động, lưỡng lự là tự mình đánh mất cơ hội; sáng tạo vì thiếu sáng tạo là tự mình tụt lại phía sau; cần có niềm tin vì không có niềm tin là tự mình chối bỏ mình.

Cũng tại hội nghị, Thủ tướng Chính phủ gửi lời cảm ơn các doanh nghiệp đã đồng hành và chia sẻ khó khăn với Chính phủ. Trong khó khăn ấy, nhiều tấm gương nhân ái chia sẻ thật là vĩ đại, doanh nghiệp lớn giúp nhiều, doanh nghiệp nhỏ giúp ít, nhiều hộ cá thể sẵn sàng nhường cơm, sẻ áo trong lúc dịch bệnh.

Phát biểu tại hội nghị, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng cho biết, theo kết quả khảo sát gần 130.000 doanh nghiệp do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện cho



Hình ảnh hội nghị trực tuyến tại điểm cầu Bộ Xây dựng

thấy: Khoảng 86% doanh nghiệp bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch COVID-19. Gần 58% số doanh nghiệp bị giảm mạnh về thị trường tiêu thụ sản phẩm. Doanh thu quý I/2020 của các doanh nghiệp bị giảm mạnh còn 74,1% so với cùng kỳ năm trước và dự kiến 4 tháng đầu năm 2020 sẽ tiếp tục giảm xuống còn gần 70% so với cùng kỳ năm 2019. Một trong những khó khăn lớn nhất của các doanh nghiệp hiện nay là thiếu vốn, đặc biệt là vốn lưu động. Có trên 45% số doanh nghiệp đang bị thiếu hụt nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh. Trong đó, khu vực doanh nghiệp nhà nước là nhóm có tỷ lệ thiếu hụt nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh cao nhất với gần 50% số doanh nghiệp.

Theo Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng, thời gian qua, các giải pháp Chính phủ ban hành để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh như gia hạn nộp thuế, ưu đãi về thuế, tín dụng, hỗ trợ người lao động, giảm chi phí cho doanh nghiệp đã được triển khai hiệu quả trên phạm vi toàn quốc. Các ngành chức năng đã tập trung hỗ trợ doanh nghiệp biến khó khăn thành cơ hội thông qua củng cố nội lực, đặc biệt là trong chuyển đổi số; ứng dụng công nghệ; nâng cao trình độ người lao động; nâng cấp chiến lược kinh doanh, tăng cường liên kết sức mạnh, tạo chuỗi giá trị mới, bền vững; củng cố và mở rộng thị trường; nâng cao năng lực chống đỡ trước những thay đổi bất thường của môi trường kinh doanh và nền kinh tế toàn cầu.

Do đó, để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, thời gian tới cần huy động các doanh nghiệp Nhà nước có quy mô lớn thực hiện vai trò dẫn dắt, mở đường trong sản xuất ngành, lĩnh vực mới để đáp ứng yêu cầu này; tập trung vào các ngành sản xuất, chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp mũi nhọn. Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết thúc đẩy thị trường bất động sản, đặc biệt là phát triển nhà ở xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân và đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội.

Trong khi đó, TS. Vũ Tiến Lộc - Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cho biết, cuối tháng 4, đầu tháng 5/2020, VCCI đã tiến hành một cuộc khảo sát về thực trạng của cộng đồng doanh nghiệp, kết quả có tới 55% doanh nghiệp nhận định sẽ tiếp tục duy trì quy mô sản xuất hiện tại trong quý 3; 22% có kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh, chỉ 21% sẽ thu hẹp quy mô, tạm dừng hoạt động. Xu hướng này là đáng khích lệ và tốt hơn rất nhiều so với thực trạng doanh nghiệp mà VCCI công bố 1 tháng trước đây. Điều đó cho thấy, sức sống, kiên cường, khả năng chống chịu của các doanh nghiệp Việt Nam trong điều kiện khó khăn, khủng hoảng lại bùng dậy. Nhiều doanh nghiệp, dù lợi nhuận không còn, thậm chí thua lỗ, doanh thu sụt giảm, nhưng các doanh nhân vẫn cố gắng tới mức cao nhất chăm lo cho người lao động, tỷ lệ việc làm vẫn duy trì ở mức rất cao, cho thấy tình cảm và trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp - những cỗ máy tạo việc làm của nền kinh tế - những người dám đánh đổi sự bình yên của cá nhân và gia đình mình để làm giàu đất nước và lo sinh kế cho dân.

Hiện nay, tình hình doanh nghiệp đã được cải thiện, nhưng vẫn còn rất gian nan và những biện pháp trợ giúp kịp thời từ Chính phủ là vô cùng quan trọng. Cộng đồng doanh nghiệp đề nghị Chính phủ, Quốc hội xem xét, bổ sung thêm các

sắc thuế, phí cần miễn, giảm; kéo dài thời hạn hoãn các khoản phải nộp, phải trả của doanh nghiệp; nới rộng - tăng trần hạn mức tăng trưởng tín dụng cho vay. Về lâu dài, cần đẩy mạnh cải cách thể chế là nền tảng quan trọng nhất. Quốc hội, Chính phủ đã quyết định mục tiêu đưa Việt Nam lọt vào nhóm 3 - 4 về năng lực cạnh tranh và môi trường kinh doanh trong ASEAN, nên cần kiên định thực hiện mục tiêu này và coi đó là thước đo đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ chính trị của người đứng đầu ở tất cả các cấp, các ngành và các địa phương.

Theo ông Vũ Tiến Lộc, chỉ riêng khoản đầu tư công cho các dự án cơ sở hạ tầng đã có trong kế hoạch với số tiền đang được của các Bộ ngành và địa phương quản lý là trên 30 tỷ đô la Mỹ. Nếu tháo gỡ được thủ tục, giải ngân nhanh được trong năm nay thì ta đã có thể tạo ra một cú hích quan trọng cho nền kinh tế. Phát huy vai trò của thể chế, bảo đảm huy động được tổng lực các nguồn vốn xã hội theo cách này thì không khó để đạt được tốc độ tăng trưởng GDP trên 5% trong năm nay.

Chủ tịch VCCI đề nghị Chính phủ giao các bộ ngành phối hợp với VCCI, các địa phương và cộng đồng doanh nghiệp triển khai sớm chiến dịch vận động xúc tiến đầu tư chiến lược ở tầm quốc gia để tiếp cận trực tiếp với đại bản doanh của các chuỗi cung ứng toàn cầu, chủ động tham gia kiến tạo và vận động đưa các công đoạn sản xuất, kinh doanh phù hợp, có giá trị gia tăng cao hơn vào Việt Nam mà không thụ động chờ họ tìm đến với mình; Chính phủ xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển công nghiệp hỗ trợ và chương trình quốc gia nâng cao năng lực quản trị của cộng đồng doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giúp triển khai thực hiện các yêu cầu quốc tế hoá và số hoá, thực hiện các mô hình kinh doanh bền vững, sáng tạo và có trách nhiệm. Nhà nước kiến tạo song hành với cộng đồng doanh nghiệp sáng tạo và có trách nhiệm xã hội sẽ là đôi cánh để nền

kinh tế Việt Nam có thể bay lên;

Ông Vũ Tiến Lộc đề nghị Chính phủ thành lập Ban chỉ đạo và Tổ công tác khai mở mặt trận phục hồi nền kinh tế do Thủ tướng làm Trưởng Ban chỉ đạo; thành lập Ban chỉ đạo ở các địa phương do Chủ tịch UBND đứng đầu để nối dài cánh tay giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, tái khởi động và phục hồi kinh tế thành công.

Cũng tại hội nghị, các Bộ trưởng, Thủ trưởng

các đơn vị trực thuộc Chính phủ, lãnh đạo các địa phương, các hiệp hội doanh nghiệp trong nước và quốc tế đã đề xuất, kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nhiều giải pháp thiết thực nhằm kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn và tạo động lực thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam nắm bắt thời cơ, đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế đất nước.

Trần Đình Hà

Bộ Xây dựng công bố thông tin nhà ở và thị trường bất động sản Quý I/2020

Ngày 6/5/2020, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông cáo số 52/TC-BXD về việc công bố thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản Quý I/2020.

Theo đó, trong Quý I/2020, Bộ Xây dựng đã tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 4/3/2020 về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19, giao nhiệm vụ cho các Bộ, Ngành, địa phương đưa ra các giải pháp hỗ trợ cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 trong đó có lĩnh vực bất động sản; Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 của Chính phủ về gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất, trong đó có quy định đối tượng áp dụng là doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động kinh doanh bất động sản;

Cùng với đó là Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 9/4/2020 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3/2020 giao nhiệm vụ cho các Bộ, ngành khẩn trương thực hiện đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội nêu tại Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 4/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có một số nhiệm vụ liên quan tới lĩnh vực thị trường bất động sản cụ thể là: Bộ Xây dựng nghiên cứu, đề xuất sửa đổi,

bổ sung một số nội dung bất cập tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP để trình Chính phủ xem xét, ban hành theo trình tự thủ tục rút gọn; đề xuất đổi mới phương thức, cơ chế chính sách để giải quyết căn bản nhà ở cho các đối tượng thu nhập thấp; phối hợp với các địa phương, tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, đáp ứng nhu cầu của người thu nhập thấp, nhất là công nhân; Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối thêm 1.000 tỷ đồng cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo Nghị quyết số 71/2018/QH14 và bổ sung 2.000 tỷ đồng để cấp bù lãi suất cho 4 ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ định để thực hiện hỗ trợ cho vay nhà ở xã hội.

Bộ Xây dựng tổng hợp thông tin từ 34/63 UBND tỉnh, thành có báo cáo số liệu, trong Quý I/2020 có 56 dự án phát triển nhà ở với 20.536 căn hộ được cấp phép; 997 dự án với 233.313 căn hộ đang triển khai xây dựng; 55 dự án với 18.061 căn hộ hoàn thành; đối với dự án du lịch nghỉ dưỡng có: 5 dự án với 4.512 căn hộ du lịch và 476 biệt thự du lịch được cấp phép; 48 dự án với 18.549 căn hộ du lịch và 3.359 biệt thự du lịch đang triển khai xây dựng. Qua tổng hợp cho thấy, một số doanh nghiệp bất động sản vẫn đang tiếp tục triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành các dự án đang dở dang và

triển khai các dự án được cấp phép mới. Tuy nhiên, tiến độ và khối lượng công việc thực hiện bị ảnh hưởng lớn do thực hiện các biện pháp phòng chống dịch, giãn cách xã hội.

Về số lượng giao dịch căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ, đất nền chuyển nhượng, trong Quý I/2020 có 13.042 giao dịch bất động sản thành công. Riêng tại Hà Nội có 1.167 giao dịch thành công, tại TP. Hồ Chí Minh có 2.816 giao dịch thành công. Qua tổng hợp cho thấy lượng sản phẩm giao dịch thành công chỉ đạt khoảng 14% so với tổng lượng sản phẩm hiện có trên thị trường, thấp nhất trong vòng 04 năm qua và chỉ bằng khoảng 40% so với cùng kỳ năm 2019. Tính đến thời điểm tháng 4/2020, các bất động sản du lịch, nghỉ dưỡng đều ngừng hoạt động, các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản du lịch, nghỉ dưỡng hầu như không có nguồn thu.

Về nguồn cung nhà ở, bao gồm số lượng chung cư, nhà ở riêng lẻ, đất nền, trong Quý I/2020 có 71 dự án với 25.734 căn hộ đủ điều kiện bán nhà ở hình thành trong tương lai. Riêng tại Hà Nội có 15 dự án, với tổng số 9.414 căn nhà, tại TP. Hồ Chí Minh có 10 dự án, với tổng số 2.816 căn. Giá bán nhà ở trên thị trường không có xu hướng giảm mà vẫn tăng so với cuối năm 2019.

Số lượng bất động sản được Cục Quản lý hoạt động xây dựng thẩm định trong Quý I/2020 gồm: Nhà ở là 7.264 căn; căn hộ du lịch là 1.666 căn; biệt thự du lịch là 0 căn; văn phòng kết hợp lưu trú (officetel) là 0 căn. Cũng trong Quý I/2020, có 32 dự án được Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chấp thuận nghiệm thu đưa vào sử dụng, cụ thể: Nhà ở: 17.896 căn; căn hộ du lịch: 2.451 căn; biệt thự du lịch: 0 căn; văn phòng kết hợp lưu trú (officetel): 0 căn.

Thông cáo của Bộ Xây dựng dẫn số liệu báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho biết: Tính đến 31/12/2019 dư nợ tín dụng đối với hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 521.822 tỷ đồng, tăng 12,82% so với năm

2018. Tính đến tháng 2/2020, dư nợ tín dụng bất động sản là hơn 531.000 tỷ đồng. Tốc độ tăng dư nợ tín dụng có xu hướng giảm (năm 2018 tăng 6%, năm 2019 chỉ tăng 4%, quý I/2020 tăng 1,76%). Tỷ trọng dư nợ bất động sản đối với toàn ngành cũng giảm (năm 2018 chiếm 6,93%, năm 2019 chỉ chiếm 6,37%, quý I/2020 chiếm 6,47%).

Bình quân dư nợ tín dụng trong 5 năm gần đây khoảng 7,3% (trong ngưỡng an toàn theo thông lệ quốc tế). Tuy nhiên, tỷ trọng dư nợ tín dụng trong bất động sản giảm dần trong 5 năm trở lại đây, từ 8,05% xuống còn 6,47% trong năm 2019. Cơ cấu dư nợ bất động sản cũng có thay đổi theo từng giai đoạn: cho vay đầu tư các dự án khu đô thị, dự án phát triển nhà ở và sửa chữa, cải tạo nhà chiếm tỷ lệ 39%; các dự án văn phòng (cao ốc) cho thuê chiếm tỷ lệ 9%; các dự án xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất chiếm tỷ lệ 4%; các dự án khu du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng chiếm tỷ lệ 4%; các dự án nhà hàng, khách sạn chiếm tỷ lệ 9%; cho vay mua quyền sử dụng đất chiếm tỷ lệ 8%; cho bất động sản khác chiếm 28%.

Đối với nguồn vốn FDI thì trong nhiều năm trở lại, lĩnh vực bất động sản luôn đứng thứ 2 về thu hút nguồn vốn đầu tư FDI (chỉ sau lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo). Trong quý I/2020, nguồn vốn đầu tư FDI vào lĩnh vực bất động sản sụt giảm mạnh, chỉ có 264 triệu USD vốn đăng ký, chiếm 3,08% tổng nguồn vốn FDI, đứng vị trí thứ 4 về thu hút nguồn vốn đầu tư FDI (năm 2019 vốn đăng ký là 3,88 tỷ USD, chiếm 10,2% tổng nguồn vốn FDI, đứng vị trí thứ 2 về thu hút nguồn vốn đầu tư FDI).

Do ảnh hưởng dịch bệnh COVID - 19, các doanh nghiệp bất động sản chỉ giữ lại khoảng 50% cán bộ, nhân viên để duy trì hoạt động, làm việc trực tiếp (còn lại làm việc trực tuyến tại nhà, một phần phải cho nghỉ); tại một số dự án đang triển khai xây dựng hầu như chưa khởi động lại hoặc phải tạm dừng hoạt động, gần như toàn bộ công nhân, lao động phải tạm nghỉ.

Trong 3 tháng đầu năm 2020 có khoảng 80% số lượng sàn giao dịch bất động sản đóng cửa hoặc tạm ngừng hoạt động hoặc không phát sinh giao dịch, nhiều cá nhân môi giới bất động sản thất nghiệp. Tính đến nay, cả nước ước tính còn khoảng 200 sàn giao dịch bất động sản đang hoạt động cầm chừng, hầu hết các sàn chỉ duy trì bộ phận gián tiếp điều hành làm việc luân phiên trong thời gian phòng tránh dịch, phần lớn các nhân viên môi giới đều tạm ngừng làm việc, chuyển sang công việc khác theo thời vụ.

Ngoài ra, khi Chính phủ, các địa phương thực hiện cách ly xã hội, yêu cầu giãn cách trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhiều chủ đầu tư và các sàn giao dịch không thực hiện mở

bán sản phẩm được. Để khắc phục khó khăn trong giao dịch, một số sàn giao dịch bất động sản như: Sàn giao dịch Vingroup, Cen group cũng đang nghiên cứu phát triển thêm hình thức giao dịch trực tuyến, nhưng chủ yếu vẫn chỉ là đăng thông tin, giới thiệu về dự án trong trang mạng riêng của doanh nghiệp (sàn thương mại điện tử bất động sản).

Trên cơ sở đánh giá các yếu tố vĩ mô cũng như các chỉ số cụ thể của thị trường, Bộ Xây dựng nhận thấy hiện nay thị trường bất động sản chưa có biểu hiện của khủng hoảng trầm lắng, “đóng băng” hay phát triển nóng.

Trần Đình Hà

Kiến trúc của Singapore

Trước hết, cần nhìn lại lịch sử phát triển dù chỉ ở mức độ khái quát để hiểu rõ hơn những thành tựu phi thường của thành phố - đảo quốc Singapore. Đảo quốc với Thủ đô cùng tên trước những năm 1960 là một khu vực thuộc địa tự trị của Anh, từ năm 1965 đã trở thành quốc gia độc lập có chủ quyền. Điều gì đã khiến cho đất nước nhỏ bé đói nghèo đã từng là thuộc địa, không có điều kiện khởi đầu cần thiết cho một quốc gia chỉ sau nửa thế kỷ đã đạt được bước tiến vượt bậc? Đó là một trong những bí ẩn khơi gợi sự thán phục và mối quan tâm của thế giới về những thành công nhanh chóng của Singapore. Đảo lớn Singapore bị ngăn cách khỏi lục địa bởi một eo biển, liên lạc với đất liền và châu Á hiện nay được thực hiện thông qua 2 cây cầu lớn.

Nhờ vị trí địa lý cách đường xích đạo khoảng hơn 100km về phía bắc, Singapore có phong khí hậu khác biệt so với nhiều quốc gia khác. Hòn đảo được bao bọc bởi 2 đại dương và các eo biển từng có hệ thực vật rừng và động vật hoang dã vô cùng phong phú, tuy nhiên rất nghèo do không có tài nguyên thiên nhiên và

nguồn nước uống. Nước ngọt cần được đưa từ lục địa ra đảo, xử lý thành nước uống, thậm chí còn bán ngược lại cho các nhà cung cấp. Biểu tượng của Singapore hiện đại là một loài vật linh thiêng đầu sư tử, mình cá, do đó tên gọi của thành phố là Singa Pora, tiếng địa phương có nghĩa là “đầu sư tử”.

Singapore hiện là một trong những trung tâm tài chính và du lịch lớn nhất của các quốc gia có cảng biển tại khu vực Đông nam Á, với những ngành chủ đạo là sản xuất đồ điện tử và nghiên cứu các công nghệ vi sinh. Diện tích đảo không lớn, chỉ 42 x 23km. Hòn đảo lớn được bao quanh bởi hơn 50 đảo bé, nổi tiếng nhất trong số đó là đảo du lịch Sentosa. Nhiệt độ trung bình năm do nằm gần đường xích đạo nên mùa đông cũng như hè đều ổn định trong ngưỡng 30 - 32°C và độ ẩm rất cao.

Ấn tượng chung của tất cả những ai đến Singapore lần đầu tiên là kiến trúc và cảnh quan xung quanh. Sau Nhật Bản - nơi kỷ luật lao động cao và tính tổ chức công việc cũng rất cao, kể cả công tác đất - Singapore ở mức độ kế tiếp, thậm chí nhiều điểm vượt trội như xây



Marina Bay Sands – công trình biểu tượng của Singapore



Siêu cây trong khu công viên Gardens by the Bay

dựng có ý tưởng và môi trường đô thị sạch đẹp.

Người dân Singapore đều coi các thành tựu của đất nước là nhờ vị Thủ tướng đầu tiên Lý Quang Diệu, nhà lãnh đạo tài ba từ 1965 – 2010 đã đưa đất nước trở thành quốc gia hùng mạnh. Trong lĩnh vực xã hội, Singapore là trung tâm giáo dục và chăm sóc y tế tốt nhất của châu Á. Thiết bị hiện đại và việc trang bị kỹ thuật cho các trường học, mức lương cao của các nhà sư phạm, học sinh tốt nghiệp với kiến thức chất lượng và triển vọng việc làm trong các ngành khoa học ứng dụng rất lớn.

Singapore là quốc gia đa sắc tộc, phần lớn cư dân là người Trung Quốc, rồi đến người Malaysia, Hàn Quốc, Nhật Bản. Đây cũng là đất nước khoan hòa nhất, nơi kiểm soát rất nghiêm mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc và bất bình đẳng trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội - chăm sóc sức khỏe, quân đội, nhà ở, giáo dục, lãnh đạo. Hầu như không có tội phạm. Cùng với việc ban hành luật cấm nhai kẹo cao su, người vi phạm bị xử rất nghiêm, thậm chí phạt tù. Sự nghiêm khắc nhanh chóng khiến người dân tuân thủ quy chế vệ sinh môi trường đô thị. Khó mà thấy một que diêm hay giấy gói kẹo trên các đường phố Singapore, vì người vứt sẽ bị phạt tiền nặng.

Về mật độ dân số, Singapore đứng thứ hai trên thế giới, do đó Chính quyền đã đi đến quyết định (đặc biệt là trong lĩnh vực nhà ở) phải xây những công trình cao tầng, tuy nhiên độ

cao không gian giới hạn 280m.

Singapore có lối kiến trúc pha trộn rất đặc sắc. Kể từ năm 1819, thực dân Anh đã đặt nền móng cho kiến trúc Singapore. Phía nam đảo lớn là nơi tập trung nhiều dân cư, cũng là nơi tập trung nhiều phong cách kiến trúc của thế giới - brutalism (chủ nghĩa thô mộc), neoclassicism (chủ nghĩa tân cổ điển), metabolism (kiến trúc chuyển hóa) đều in dấu trên những tòa nhà/ công trình ở đây. Năm 1961, trường Đại học Kiến trúc của Singapore đã ra đời. Nhà ở truyền thống là những “nhà-cửa hàng” điển hình của dân cư Đông nam Á. Do nhiệt độ trung bình trong năm khá cao và độ ẩm cao, Singapore duy trì nguyên tắc- vị trí tốt nhất dưới mặt trời là trong bóng râm. Do đó, các dãy nhà đều được kết nối với nhau bởi các gallery có mái, và nhà ở hiện đại được bổ sung bằng hạ tầng ngầm phát triển. Nền nhiệt trung bình trong năm ở mức cao và ổn định, độ ẩm cao buộc các kiến trúc sư tìm các giải pháp thích ứng với phong khí hậu thông qua những ý tưởng cách tân phù hợp: hình thành các không gian sảnh vòm lớn, vườn kính, gallery có mái, các không gian ngầm với nhiều chức năng xã hội khác nhau. Tại Singapore, sự hiện diện của những không gian sảnh rộng lớn, các lối đi có mái che, ga xe điện ngầm, công viên và các khu vực được phủ xanh có ở khắp nơi.

Singapore rất quan tâm tới nhà ở xã hội. Được thành lập năm 1959, Ủy ban Phát triển &

Nhà ở (HDB) Singapore đã xác định xây dựng nhà ở xã hội quốc gia là chương trình mục tiêu hàng đầu, và cho tới nay, chương trình này được thực hiện rất thành công. Singapore trở thành một trong những quốc gia coi việc bảo đảm nhà ở có chất lượng cho người dân là nhiệm vụ ưu tiên. Có 25 khu vực dân sinh rải rác khắp đảo. Mỗi quận dân sinh có đầy đủ hạ tầng xã hội bao gồm nhà trẻ, trường học, trung tâm thương mại, không gian công cộng, không gian xanh. Các quận được kết nối bởi mạng lưới các tuyến metro và mạng đường bộ.

Chính sách cải cách nhà ở (được hình thành từ khi Singapore còn là thuộc địa) thường xuyên được điều chỉnh, quốc gia hầu như không có vấn đề liên quan tới nhà ở. Nhà ở không miễn phí, song hợp túi tiền của tất cả người dân. “Chính sách hội nhập dân tộc” được Chính phủ thông qua đã biến nhà ở thành đối tượng dễ tiếp cận đối với mọi công dân mọi sắc tộc. Sự phân biệt đối xử hoàn toàn không có, cho dù là cộng đồng người Hoa, Malaysia hay Ấn Độ. Quỹ nhà được xây đã lâu thường xuyên được cải tạo và thiết lập trật tự quy củ. Trong quỹ nhà ở quốc gia hiện nay có nhiều chung cư - những tòa nhà thương mại cao tầng có lãnh thổ được bảo vệ và các dịch vụ hạ tầng tiện nghi đầy đủ - bể bơi, sân chơi thể thao, khu vui chơi trẻ em, khu vực để nghỉ ngơi, nhà để xe... Có những quận có nhiều căn biệt thự rất đắt tiền (do giá đất cao), song nhìn chung người dân Singapore sống khá bình lặng. Kiến trúc của các quận dân sinh có khác biệt một chút so với kiến trúc của khu vực trung tâm, song cũng khá thú vị và đều được bảo đảm bằng mạng lưới hạ tầng phát triển.

Trong kiến trúc của Singapore hiện đại, khó mà phân định một phong cách kiến trúc cụ thể. Giống như tất cả các quốc gia phương Đông, triết lý phong thủy được duy trì tại Singapore, thể hiện ở mọi lúc, mọi nơi, từ việc bố trí các xe hơi trong bãi đỗ xe tới việc sắp xếp đồ gỗ trong nhà. Theo truyền thống, mọi không gian trong thành phố, mọi quảng trường hoặc trong quy



Tổ hợp Reflection trong khu vực lịch sử Keppel Bay

hoạch một quận dân sinh, các nguyên tắc phong thủy đều được tuân theo nghiêm ngặt.

Theo quan niệm của người phương Đông, nhà ở có các góc nhọn sẽ mang lại điều kém may mắn cho gia chủ. Điều thú vị là tổ hợp nhà ở hiện đại Reflection do KTS. Daniel Libeskind thiết kế năm 2011 trong quận lịch sử Keppel Bay lại toàn góc nhọn và đỉnh nhọn. Tổ hợp gồm nhiều tòa tháp cao tầng được kết nối với nhau theo từng cặp, và gần như đối lập với truyền thống xây dựng địa phương. Tổ hợp được áp dụng nhiều công nghệ sinh thái cải tiến và các hệ thống tiết kiệm năng lượng, gồm hơn một nghìn căn hộ cao cấp, 11 villa, các văn phòng, nhà hàng, quầy bar, quán cà phê, trung tâm thương mại - giải trí lớn, các công viên, vườn hoa và bãi đỗ xe ngầm.

Liên kết hai hay nhiều tòa nhà cao tầng bằng những “vạch nối” theo phương ngang trên cao theo hình thức là các lối đi qua, và chức năng của những không gian công cộng với vườn cây, bể bơi, nhà hàng - đó là nét mới được hình thành trong kiến trúc Singapore. Trong nhà ở cao tầng, các lối đi qua thường kèm luôn chức năng công cộng - xã hội vốn có của các sân chung thuộc các nhà chung cư trước đây (trừ việc làm nơi đỗ xe). Tòa nhà “Ski Habitat” do KTS. Moshe Safdie thiết kế năm 2015 tại quận Bishan là 2 tòa tháp được kết nối bởi ba lối đi qua với những không gian có nhiều chức năng công cộng. Các tổ hợp nhà được xây

dựng trước đó - “Colonad” của Văn phòng Kiến trúc sư Paul Rudolph + Archiplan Team và “Gold Mile” của Văn phòng Kiến trúc sư DP Architects, “Pinnacle & Duxton” của Văn phòng Kiến trúc sư ARC Studio Architecture + Urbanism đều có kết cấu của “siêu đô thị theo phương thẳng đứng” với rất nhiều không gian công cộng. “The Sail & Marina Bay Tower” của NBBJ là tòa nhà ở cao nhất ngay giữa khu vực trung tâm, gồm 2 tòa tháp được kết nối với nhau bằng các lối đi qua có chức năng của những không gian công cộng rộng lớn.

Khu vực trung tâm về mặt kiến trúc và quy hoạch của Singapore là Marina Bay, với rất nhiều công trình tân - cổ độc đáo. Khu Vịnh hiện đại đã thay đổi về đường nét và được bao bọc từ tất cả các hướng bởi những công trình cao tầng có thể quan sát từ xa. Vịnh được cảm nhận không phải là một đơn vị quy hoạch mà là một trung tâm công cộng của đất nước, có ý nghĩa xã hội lớn đối với người dân và du khách đến Singapore.

Thiên nhiên Singapore ưu ái các loại cây xanh, bên cạnh đó, kiến trúc không gian cảnh quan ở đây cũng được chú trọng đặc biệt. Tại trung tâm, trong không gian lấn biển, trên một doi đất xấp xỉ 101ha là tổ hợp công viên khổng lồ Gardens by the Bay. Từ năm 2012, khu vườn kính và các siêu cây nhân tạo khổng lồ trong tổ hợp công viên đã được xếp vào những kỳ quan hiện đại của thế giới. Khu vườn kính gồm hai khối nhà kính lớn Flower Dome và Cloud Forest được thực hiện từ các khung nhôm theo hình thức bionic, phủ kính chống nắng đặc biệt toàn bộ. Tính tổng hợp và tính tương tác của các giải pháp kiến trúc, thiết kế, kỹ thuật, công nghệ cải tiến, phong cách bionic khác nhau vô cùng ấn tượng. Đây không chỉ là những không gian trưng bày các loài hoa, thực vật lạ, độc đáo của vùng Địa Trung hải mà còn là nơi nghỉ ngơi giải trí của người dân và khách đến đảo quốc.

Bộ siêu cây ở đây là những thân cây lớn có tán bằng kim loại, được phủ lưới và trồng thực

vật sống, gồm tám cây thấp và ba cây cao vượt, bên dưới các tán cây là các lối đi bộ kết nối các cây với nhau thành một cụm lớn. Buổi tối tất cả các cây biến thành những nhà hát thiên nhiên của âm thanh và ánh sáng. Âm nhạc cổ điển và giải pháp đèn màu chiếu sáng biến đổi theo nhịp điệu thu hút rất rất nhiều khách đến thưởng thức.

Ấn tượng cơ bản về kiến trúc Singapore được tạo ra bởi nhiều tòa cao ốc văn phòng và các công trình công cộng khác nhau – tác phẩm của nhiều kiến trúc sư và văn phòng kiến trúc sư, phần lớn là nước ngoài. Rất khó để phân định phong cách kiến trúc thống nhất. Kiến trúc của phần lớn các công trình đều tuân theo chủ đề tượng đài biểu tượng, đòi hỏi tác động tới người quan sát trước hết bằng sức hút của hình ảnh nghệ thuật của chính công trình. Không phải ngẫu nhiên nhiều chuyên gia đã nhận xét rằng chức năng “bên trong” có ích của các công trình này không quan trọng bằng hình ảnh bên ngoài, bởi đặc điểm của vẻ bề ngoài có thể đáp ứng đồng thời các ý tưởng của thời đại và truyền thống địa phương.

Công trình rất thú vị và trở thành biểu tượng của Singapore là Marina Bay Sands - tổ hợp khách sạn có hình dáng ba trụ đỡ một con thuyền lớn. Trong “con thuyền” đó là đài quan sát, bể bơi, nhà hàng và nhiều phòng dịch vụ. Tòa nhà nằm trên một doi đất nhô ra biển và trở thành “cổng vào” từ Marina Bay tới khu công viên cảnh quan Gardens by the Bay và biển. Ba tòa tháp 55 tầng đỡ một con thuyền lớn - “thuyền” là phương thức hiện đại để kết nối các tháp cao tầng bằng những lối đi qua được bố trí các không gian công cộng. Tổ hợp độc đáo với những không gian hẹp nhưng đầy ánh sáng, hơn 2,5 nghìn phòng khách sạn, 2 nhà hát, bảo tàng, rất nhiều nhà hàng, sòng bạc... Cách chân tổ hợp khách sạn không xa, nằm phía cuối đại lộ cây xanh là Bảo tàng Khoa học và Nghệ thuật hiện đại (thiết kế của Arup, 2011). Công trình mang dáng dấp một bông sen, được trang

bị các công nghệ sinh thái về thu gom nước mưa (khá ít áp dụng cho các công trình tại Singapore), tích trữ trong một bể lớn ở phía dưới và sử dụng sau đó để tưới cây. Không gian bên trong của công trình thực sự không phù hợp để trưng bày triển lãm bởi các bề mặt bên cong bằng kính dẻo không phù hợp, còn bề mặt nằm ngang của sàn nhà cũng không có nhiều ý nghĩa để trưng bày.

Khu vực trung tâm Singapore chủ yếu dành cho khách, và luôn đầy ắp khách du lịch. Sự kỳ vĩ, đôi khi là những công trình không quá to lớn song rất độc đáo luôn thu hút rất nhiều khách tham quan. Những công trình như Bảo tàng Các nền văn minh & Các dân tộc châu Á (1910), Trung tâm văn hóa Trung Quốc, Trung tâm văn hóa Malaysia, Bảo tàng Tây tạng, Bảo tàng Lịch sử Thế chiến II, Bảo tàng Đồ chơi trẻ em Thượng Hải, Bảo tàng Bướm, Bảo tàng Khoa học ứng dụng và vi sinh... rất thú vị với các bộ sưu tập đầy đủ. Các công trình kiến trúc hiện đại tách biệt rải rác khắp thành phố có vai trò bổ sung nét hấp dẫn cho bức tranh toàn cảnh. Có thể kể đến Trường Nghệ thuật đương đại được xây theo phong cách deconstructivism (chủ nghĩa giải tỏa kết cấu), sân vận động SportHub có sức chứa 55 nghìn khán giả, Vòng quay khổng lồ Singapore Flyer cao 165m...

Ngoài các bảo tàng, Singapore có rất nhiều công viên và vườn hoa rộng lớn. Phần lớn các công viên theo chủ đề. Tại công viên Jurong chẳng hạn, khách tham quan có thể làm quen với rất nhiều loài chim của các xứ sở nhiệt đới

và góc thiên nhiên hoang dã.

Tất nhiên, không thể không nhắc tới trung tâm văn hóa - giải trí trên đảo Sentosa. Không chỉ người dân bản địa, mà rất nhiều khách du lịch nước ngoài đến đây để nghỉ ngơi và giải trí. Kiến trúc của các công trình giải trí trên đảo được thể hiện tương đối rõ nét trong thiết kế - từ giải pháp tạo hình đến các giải pháp sắc màu. Sentosa không có những công trình tuyệt mỹ xét từ góc độ kiến trúc, song tất cả các công trình ở đây đều được thực hiện để khách đến nghỉ dưỡng có thể cảm nhận sự tiện nghi và hài lòng nhất.

Trong lịch sử phát triển của mình, Singapore đã tập hợp nhiều phong cách kiến trúc quốc tế, và hiện nay cũng không theo một phong cách cụ thể nào. Quốc gia phát triển về mặt kinh tế này đang có hướng mời gọi các kiến trúc sư có tiếng và thành công để cải biến thiên nhiên thứ hai của mình. Các công trình xây dựng tại Singapore sẽ tạo nên một từ điển kiến trúc về các dạng công trình khác nhau do các kiến trúc sư tên tuổi trên thế giới thực hiện. Sẽ vô ích để tìm ra một công trình vượt trội trong số đó, bởi tất cả các công trình xây dựng đều hoàn hảo về vị trí lựa chọn để xây cũng như về tác giả thiết kế. Đó chính là bộ mặt kiến trúc hiện đại của Singapore.

V.Aurov

*Nguồn: Tạp chí Kiến trúc & Xây dựng Nga
số 4/2019*

ND: Lê Minh

Phân tích điều tra về nhà ở tại một số nước trên thế giới

I. Giá trị của điều tra nhà ở

Từ kinh nghiệm của các nước phát triển, việc điều tra nhà ở có vai trò hết sức quan trọng trong việc xây dựng chính sách và vận hành nền kinh tế.

Thứ nhất, dữ liệu điều tra nhà ở phản ánh

tình hình nhà ở của cư dân. Dữ liệu điều tra nhà ở có thể thông qua các nội dung như loại hình công trình, kết cấu công trình, diện tích công trình, kết cấu quyền tài sản nhà ở, tình hình kinh tế của các hộ cư trú..., đồng thời phản ánh một cách hệ thống về mức sống nhà ở và xu thế

thay đổi năng động của nó. Dữ liệu điều tra còn phản ánh tình hình tập trung tài sản, tài sản nhà ở là bộ phận cấu thành quan trọng trong tài sản của các hộ cư dân, thống kê quyền sở hữu nhà ở có thể phản ánh tình hình bất bình đẳng trong tích lũy tài sản. Các dữ liệu điều tra nhà ở cho dù về mặt nghiên cứu học thuật hay là trong các chính sách điều tiết khoảng cách giàu nghèo đều có giá trị hết sức quan trọng.

Thứ hai, dữ liệu điều tra nhà ở có thể phục vụ cho các ngành liên quan. Dữ liệu nhà ở có liên quan mật thiết với dân số và nền kinh tế. Đối với các doanh nghiệp mà nói, nhà ở và các dữ liệu liên quan tới nhà ở có quan hệ mật thiết với tình hình khu vực, có thể phản ánh được tình hình thay đổi về kinh tế và dân số khu vực. Dữ liệu điều tra nhà ở có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc định vị sản phẩm, lựa chọn địa điểm kinh doanh, chiến lược hoạt động tại đô thị... của các doanh nghiệp.

Thứ ba, dữ liệu điều tra nhà ở là nền tảng trong các chính sách nhà ở. Những dữ liệu nhà ở đáng tin cậy, chân thực, chi tiết sẽ hỗ trợ cho việc nâng cao tính khoa học trong quy hoạch đô thị, nâng cao tính hiệu quả trong các chính sách nhà ở. Các chính sách nhà ở của các nước như Mỹ, Đức, Anh... đều lấy cơ sở là các dữ liệu điều tra nhà ở, việc đề ra quy hoạch đô thị, quy hoạch không gian lãnh thổ cũng cần tham khảo từ các dữ liệu về nhà ở.

II. Phương pháp, nội dung và ứng dụng của điều tra nhà ở tại một số nước trên thế giới

1. Nhật Bản

Điều tra thống kê về đất đai và nhà ở của Nhật Bản thuộc về kiểm tra xác suất tại chỗ, bắt đầu từ năm 1948, sau đó cứ mỗi 5 năm lại tổ chức thực thi một lần, do Cục Thống kê - Bộ Nội vụ và Truyền thông Nhật Bản phụ trách. Lần điều tra gần đây nhất được tiến hành vào năm 2018, là lần điều tra thứ 15. Trong số 220.000 khu vực điều tra thuộc Tổng điều tra dân số năm 2015, Cục Thống kê - Bộ Nội vụ và Truyền

thông Nhật Bản sẽ lấy 17 hộ nhà ở trong mỗi khu vực điều tra, tổng cộng điều tra khoảng 3,7 triệu đơn vị nhà ở. Nội dung điều tra chia thành 2 phương diện là người cư trú và công trình. Thông tin người cư trú bao gồm: thành phần các thành viên trong gia đình, tình hình chủ hộ, số lượng phòng ở, quyền sở hữu nhà ở..., tình hình nơi cư trú chủ đạo, tình hình nơi cư trú thứ 2..., tình hình sở hữu đất đai ngoài nơi cư trú chủ đạo. Thông tin công trình bao gồm: Tình hình tận dụng nhà ở, loại hình và kết cấu công trình, tình hình hư hỏng nhà ở, đường biên giao nhau, tổng số nhà ở trong tòa nhà, cơ sở hạ tầng nhà ở... Phương pháp điều tra là một bộ phận thông tin hộ cư trú do hộ cư trú điền vào phiếu câu hỏi (Phiếu câu hỏi có thể thông qua mạng Internet hoặc gửi qua bưu điện), bộ phận thông tin công trình do điều tra viên tới từng hộ để điền.

Kết quả mới nhất xem tại trang web của Cục Thống kê - Bộ Nội vụ và Truyền thông Nhật Bản: <https://www.stat.go.jp/data/jyutaku/index.html>.

Việc ứng dụng điều tra thống kê về nhà ở và đất đai tại Nhật Bản cực kỳ rộng rãi. *Thứ nhất*, các cấp chính quyền Nhật Bản sẽ coi kết quả điều tra là sự tham khảo cho việc đưa ra “Kế hoạch cơ bản về sinh hoạt cư trú”. *Thứ hai*, việc quy hoạch đô thị, kế hoạch khai thác sử dụng đất nhà ở, kế hoạch tận dụng đất đai, kế hoạch hình thành đất đai... đều lấy cơ sở dữ liệu là điều tra nhà ở. *Thứ ba*, điều tra thống kê nhà ở và đất đai đóng vai trò là tài liệu nghiên cứu cơ sở của các cơ cấu nghiên cứu. *Thứ tư*, kết quả điều tra thống kê về nhà ở và đất đai sẽ được các doanh nghiệp có liên quan trong ngành bất động sản sử dụng để phân tích thị trường.

2. Đức

Tại Đức, điều tra dân số và điều tra nhà ở được tiến hành đồng thời. Điều tra nhà ở tại Đông Đức bắt đầu từ năm 1950, điều tra nhà ở tại Tây Đức bắt đầu năm 1956. Trước đây, Đức quốc xã đã từng lợi dụng dữ liệu điều tra dân số để tiến hành bức hại mang tính hệ thống đối với

người do thái, từ đó người dân nước Đức cảnh giác cao độ đối với các điều tra vi phạm quyền riêng tư và lạm dụng dữ liệu. Chính phủ nước Đức cũng tỏ ra hết sức thận trọng trong vấn đề điều tra dân số. Sau năm 1987, nước Đức vẫn chưa tiến hành bất kỳ lần điều tra dân số nào, điều tra về nhà ở cũng theo đó mà gác lại. Cho đến tháng 7/2008, Nghị viện Châu Âu đã thông qua Điều lệ số 763 về điều tra dân số và nhà ở, chính phủ nước Đức mới đồng ý tiến hành điều tra dân số và điều tra nhà ở cùng với các nước khác tại châu Âu vào năm 2011.

Điều tra năm 2011 của nước Đức (Zensus 2011) là lần điều tra đầu tiên kể từ khi nước Đức thống nhất. Hình thức được sử dụng trong điều tra dân số là điều tra theo dạng đăng ký kết hợp với điều tra theo mẫu ngẫu nhiên với chi phí khá thấp, có khoảng 10% cư dân được đưa vào phạm vi điều tra ngẫu nhiên. Điều tra công trình được tiến hành thông qua phương thức gửi qua bưu điện, trong khoảng thời gian từ tháng 4/2011 đến tháng 7/2012 chính phủ nước Đức thông qua phiếu câu hỏi gửi qua bưu điện để tiến hành điều tra đối với các nhân viên quản lý nhà ở và các chủ nhà ở. Trong đó, một bộ phận điều tra về hộ cư dân được các điều tra viên tiến hành thông qua phỏng vấn tại nhà hoặc hộ cư dân điền vào phiếu câu hỏi rồi gửi theo đường bưu điện, tổng cộng đã sử dụng tới 80 nghìn điều tra viên.

Từ báo cáo cuối cùng “Công trình và nhà ở nước Đức” có thể thấy, nội dung điều tra nhà ở đề cập tới 8 phương diện: Lượng tồn kho nhà ở trên thị trường, diện tích công trình và loại hình công trình, niên đại công trình, loại hình tài sản nhà ở, tình hình thuê mua nhà ở, nhà ở trống, diện tích chung cư, tình hình cơ sở vệ sinh và cấp nhiệt.

Dữ liệu điều tra năm 2011 và các báo cáo có liên quan đều đăng tải trên trang web <https://www.zensus2011.de/>.

Dữ liệu điều tra năm 2011 của Đức đã có ảnh hưởng sâu rộng tới chính trị, kinh tế và phát

triển xã hội của nước Đức. *Thứ nhất*, dữ liệu điều tra dân số trực tiếp ảnh hưởng tới tài chính và chính trị nước Đức, tức là số lượng trợ cấp tài chính và số ghế quốc hội liên bang mà các bang có được trong chính sách cân đối tài khóa liên bang. *Thứ hai*, lấy cơ sở là các dữ liệu về dân số và dữ liệu về nhà ở, chính phủ nước Đức đã tiến hành dự báo về dân số, dự báo về các hộ cư dân và dự báo về nhu cầu nhà ở, kết quả của những dự báo này trở thành cơ sở cho việc xây dựng các chính sách nhà ở, đồng thời có ảnh hưởng tới quy hoạch không gian lãnh thổ trong 20 năm tới tại Đức.

3. Anh

Điều tra nhà ở tại Anh là điều tra lấy mẫu xác suất. Điều tra nhà ở mang tính toàn quốc bắt đầu từ năm 1967, có tên là Điều tra tình hình nhà ở tại khu vực England và Wales (House Condition Survey of England and Wales), được giám sát và tài trợ bởi Bộ trưởng Bộ Nhà ở và Chính quyền địa phương. Phạm vi mẫu điều tra nhà ở là 6.044 căn nhà ở, được lựa chọn ngẫu nhiên trong 262 khu vực pháp lý của chính quyền địa phương, bảng điều tra chỉ có 1 trang, chỉ điều tra về trạng thái công trình nhà ở, được điền bằng tay bởi các điều tra viên vệ sinh công cộng (Public Health Inspectors). Kết quả điều tra cuối cùng đóng vai trò là bộ phận công bố trong báo cáo xu thế kinh tế (Economic Trends).

Hiện tại, điều tra nhà ở tại Anh căn cứ theo sự phân bố của 4 khu vực là England, Scotland, Wales, Bắc Ireland để tiến hành thống kê và công bố. Điều tra nhà ở tại khu vực Scotland phân thành Điều tra hộ gia đình Scotland (Scottish Household Survey) và Điều tra tình hình nhà ở tại Scotland (Scottish House Condition Survey). Điều tra nhà ở của Wales được gọi là Điều tra tình hình nhà ở tại Wales (Welsh Housing Conditions Survey); Điều tra về hộ cư trú được gọi là Sống ở Wales: Điều tra hộ cư trú (Living in Wales Survey: Household Survey). Điều tra về nhà ở tại Bắc Ireland phân thành Điều tra tình hình nhà ở Bắc Ireland

(Northern Ireland House Condition Survey) và Điều tra liên tục về hộ cư trú (Continuous Household Survey). Do khu vực England tập trung 84% dân số trong toàn nước Anh, đồng thời cống hiến 87% GDP, cho nên việc phân tích điều tra chủ yếu tập trung giới thiệu về công tác điều tra nhà ở của England.

Điều tra nhà ở của khu vực England có tên là Điều tra nhà ở England (English Housing Survey), được giám sát và tài trợ bởi Bộ trưởng Bộ Nhà ở và Chính quyền địa phương, phạm vi mẫu điều tra bao gồm 13 nghìn cư dân và 6.200 căn nhà. Điều tra viên cần điền vào 29 trang bảng biểu điện tử, ngoài khảo sát tình hình công trình nhà ở, còn tiến hành nói chuyện trực tiếp 35 phút với hộ cư dân để hiểu về các nội dung như thông tin cá nhân, tình hình kinh tế... Biện pháp lấy mẫu được tiến hành lấy mẫu ngẫu nhiên theo hệ thống và căn cứ theo tình hình khu vực, quyền tài sản và nền kinh tế xã hội cũng như đặc trưng địa lý...

Nội dung điều tra bao gồm 2 phương diện là tình hình hộ cư trú và nhà ở tồn kho. Tình hình hộ cư trú bao gồm quyền sở hữu, cho vay, khả năng chi trả nhà ở, phúc lợi nhà ở, tuổi, tiền thuê, niên hạn cư trú, mức độ hài lòng khi cư trú, nguyện vọng mua nhà của hộ thuê nhà...; Nhà ở tồn kho bao gồm loại hình nhà ở, điều kiện nhà ở, hiệu suất nguồn năng lượng, bảo ôn thể tường, thiết bị báo động... Kết quả điều tra cuối cùng sẽ được tổng hợp thành một bảng biểu Excel gần 100 trang và một báo cáo tiêu đề dài 50 trang, tất cả được công bố trên trang chuyên đề tại trang web chính thức của chính phủ Anh (<https://www.gov.uk/government/collections/english-housing-survey>).

Việc ứng dụng điều tra nhà ở tại Anh cũng hết sức rộng rãi. *Thứ nhất*, trong phương diện chính trị, ví dụ như tranh luận tại quốc hội..., các dữ liệu điều tra về nhà ở thường được lấy làm luận cứ, giúp làm gia tăng tính hiệu quả và tính khoa học trong thảo luận chính trị. *Thứ hai*, dữ liệu điều tra về nhà ở là căn cứ để xây dựng các chính sách

về nhà ở, ví dụ như kế hoạch quyền mua của chính quyền Đảng Bảo thủ, kế hoạch nhà ở của chính quyền Đảng Lao động... đều dựa vào dữ liệu điều tra nhà ở để đưa ra quy hoạch và dự toán. *Thứ ba*, các doanh nghiệp có liên quan như ngành xây dựng, ngành bất động sản... sẽ tham khảo các dữ liệu điều tra về nhà ở để phục vụ cho quy hoạch phát triển doanh nghiệp.

4. Mỹ

Điều tra nhà ở tại Mỹ bắt đầu từ năm 1973, được gọi là Điều tra nhà ở hàng năm (Annual Housing Survey), quy mô mẫu điều tra là 60 nghìn đơn nguyên nhà ở. Quy mô mẫu điều tra nhà ở không cố định và có liên quan tới phân bổ kinh phí dự toán mỗi năm. Sau năm 1981, điều tra đổi sang 2 năm một lần, đồng thời đổi sang tên hiện tại là Điều tra nhà ở nước Mỹ (American Housing Survey). Điều tra nhà ở đầu tiên sử dụng bảng câu hỏi bằng giấy, đòi hỏi các điều tra viên phải điền bằng tay. Sau năm 1997, điều tra viên bắt đầu sử dụng máy tính để nhập dữ liệu một cách nhanh chóng và thuận tiện.

Hiện tại, Điều tra nhà ở nước Mỹ vẫn tiến hành mỗi 2 năm một lần, chỉ tiến hành từ tháng 5 đến tháng 9 của những năm lẻ, mẫu điều tra phân thành 3 loại: *Thứ nhất*, mẫu điều tra mang tính toàn quốc (the National Sample); *Thứ hai*, mẫu điều tra khu vực đô thị lớn (the Metropolitan Area Sample), số lượng mẫu điều tra tại mỗi khu vực đô thị lớn khoảng 3 nghìn đơn vị nhà ở; *Thứ ba*, mẫu điều tra là các đơn nguyên nhà ở nhận được sự hỗ trợ của Bộ Nhà ở và phát triển đô thị Mỹ (HUD). Việc lựa chọn mẫu điều tra lấy khung cơ bản là các văn bản địa chỉ chủ đạo (Master Address File, MAF). Bắt đầu từ năm 2015, Top 15 mẫu điều tra tại khu vực đô thị lớn đều sẽ được phỏng vấn trong mỗi lần điều tra nhà ở (tức là mỗi 2 năm điều tra một lần), ngoài ra lựa chọn 10 trong số 20 khu vực đô thị lớn để tiến hành phỏng vấn (tức là mỗi 4 năm điều tra một lần, những khu vực này được gọi là 10 khu năng động, Dynamic 10), bởi vậy, mỗi lần điều tra nhà ở bao hàm 25 khu đô thị lớn. Lấy ví dụ là lần

điều tra nhà ở năm 2017, tổng số mẫu điều tra là 114.860 đơn vị nhà ở, trong đó mẫu điều tra mang tính toàn quốc là 34.392 đơn vị nhà ở, Top 15 mẫu điều tra khu vực đô thị lớn có 45.285 đơn vị nhà ở, mẫu điều tra 10 khu năng động có 29.981 đơn vị nhà ở, mẫu nhà ở nhận được trợ cấp của HUD là 5.202 đơn vị.

Đối với các nhà ở có cư dân, các điều tra viên thông qua điện thoại hoặc phương thức phỏng vấn trực tiếp để tiến hành điều tra đối với cư dân. Đối với đơn vị nhà ở không có người cư trú, điều tra viên sẽ phỏng vấn chủ nhà, môi giới hoặc hàng xóm để thu được thông tin liên quan. Nội dung điều tra bao hàm 2 phương diện là nhà ở và người cư trú, phương diện nhà ở bao gồm các đặc trưng như lượng nhà ở tồn kho, tỷ lệ nhà ở trống, khu phố, tận dụng nguồn năng lượng, tình trạng vật lý, thiết bị hư hỏng, biện pháp nâng cấp..., phương diện người cư trú bao gồm đặc trưng người cư trú, khoản vay mua nhà, chi phí cư trú khác, tình hình chuyển nhà gần đây...

Kết quả điều tra được công bố trên trang web chính thức của Cục Thống kê dân số Mỹ (<https://www.census.gov/programs-surveys/ahs.html>), người sử dụng có thể căn cứ nhu cầu tự thân thông qua hệ thống để đưa ra bảng biểu do giao diện thao tác của hệ thống rất thuận tiện và thân thiện.

III. So sánh quốc tế về điều tra nhà ở

1. Nội dung của điều tra nhà ở phản ánh mối liên hệ giữa người và vật

Các nước khác nhau sẽ có điều tra nhà ở khác nhau, tuy nhiên lại có nội hàm tương đồng với nhau, đó chính là nội dung của điều tra nhà ở đã làm nổi bật được thuộc tính cư trú của nhà ở, thu thập thông tin vật lý về công trình và thông tin kinh tế xã hội của người cư trú, đặc biệt quan tâm tới gánh nặng chi tiêu và kinh nghiệm cư trú của cư dân, đồng thời kết hợp hai vấn đề này lại trong phần phân tích dữ liệu về sau.

Lấy châu Âu làm ví dụ, trong Điều lệ 763 về điều tra dân số và nhà ở, Nghị viện Châu Âu đã yêu cầu điều tra nhà ở phải bao gồm 2 phương

diện là chủ đề không phải sinh và chủ đề phải sinh. Chủ đề không phải sinh bao gồm: Loại hình cư trú, vị trí cư trú, tỷ lệ cư trú, số người cư trú, diện tích sử dụng/số lượng phòng, loại hình công trình, thời gian xây dựng, cơ sở bếp và nhà vệ sinh...; Chủ đề phải sinh lại là tiêu chuẩn mang tính đa dạng về cư trú (Density Standard). Thông qua các dữ liệu điều tra này, có thể phản ánh một cách hệ thống về tiêu chuẩn cư trú của cư dân, đồng thời giúp dữ liệu của các nước trong Liên minh Châu Âu có thể so sánh ngang trong một khung.

2. Sử dụng dữ liệu điều tra nhà ở cần đi ngược dòng định nghĩa

Mặc dù nội dung điều tra nhà ở của các nước có những điểm tương đồng, tuy nhiên tuyệt đối không thể trực tiếp so sánh ngang dữ liệu có cùng tên gọi, nhất định phải tìm các dữ liệu gốc, xác định gốc của dữ liệu, phương thức lấy dữ liệu, thời gian lấy dữ liệu...

Lấy tỷ lệ nhà ở trống làm ví dụ thuyết minh. Tỷ lệ nhà ở trống (Vacancy Rate) là chỉ tiêu thị trường hết sức quan trọng, thế nhưng tỷ lệ nhà ở trống liệu có thể tiến hành so sánh ngang trực tiếp hay không? Năm 2011, Cục Thống kê quốc gia của Trung Quốc đã tổ chức nhóm nghiên cứu đặc biệt “Nghiên cứu phương pháp thống kê tỷ lệ nhà ở trống tại nước ngoài”, từ báo cáo được công bố cho thấy, mặc dù các nước đều tiến hành thống kê về chỉ tiêu tỷ lệ nhà ở trống, nhưng định nghĩa thống kê, phương pháp thống kê, tầm cỡ thống kê rất khác nhau, hàm ý thực tế cũng khác biệt.

Định nghĩa thống kê sẽ tạo ảnh hưởng tới tỷ lệ nhà ở trống. Nước Đức định nghĩa về nhà ở trống là “Nếu chưa được người sở hữu nhà ở cho thuê hoặc sử dụng, đồng thời khi tiến hành điều tra, những nơi ở không được sử dụng làm nhà nghỉ sẽ được coi là nhà ở trống”. Năm 2011, điều tra căn cứ theo đó đã thống kê ra được tỷ lệ nhà ở trống tại Đức là 4,4%. Nước Mỹ định nghĩa là “nhà ở khi tiến hành điều tra không có người cư trú thì được coi là nhà ở trống, trừ khi

người sử hữu nhà ở đó chỉ thi thoảng vắng mặt”.

Phương pháp thống kê cũng sẽ ảnh hưởng tới tỷ lệ nhà ở trống. Lấy dữ liệu sử dụng điện để thống kê nhà ở trống luôn luôn sẽ cao hơn một chút. Khu vực Đài Loan của Trung Quốc sẽ tính những ngôi nhà có mức độ sử dụng điện bình quân trong tháng 11 và 12 mỗi năm dưới 60 số là nhà ở trống, năm 2017, tỷ lệ số lượng nhà ở sử dụng điện năng thấp trong số lượng loại nhà ở nộp thuế cư trú là 10,12%. Tỷ lệ nhà ở trống cho thuê tại Mỹ được thống kê thông qua điện thoại và phương thức phỏng vấn dao động trong khoảng 7% - 10%.

Tỷ lệ nhà ở trống tại các quốc gia khác nhau không thể tiến hành so sánh ngang một cách đơn giản, tuy nhiên trong một quốc gia, tại cùng một quy mô thống kê, tỷ lệ nhà ở trống là tín hiệu thị trường cực kỳ rõ ràng và có giá trị, có thể phản ánh tình hình thay đổi về dòng chảy dân số, đầu tư nhà ở, nền kinh tế đô thị. Từ những năm 1990 của thế kỷ trước, tỷ lệ nhà ở trống tại Đông Đức không ngừng tăng cao, trong khi tỷ lệ nhà ở trống tại Tây Đức lại không ngừng giảm xuống, điều này đã phản ánh sự bất cân bằng trong phát triển kinh tế giữa các khu vực đã tạo ra dòng chảy dân số.

Trước khi phát sinh khủng hoảng thế chấp dưới chuẩn của Hoa Kỳ vào năm 2008, tỷ lệ nhà ở trống tự có đạt gần 3%, trong khi tỷ lệ nhà ở trống cho thuê cao tới 10%, một cách khách quan đã phản ánh được những rủi ro to lớn đang tiềm tàng trên thị trường.

3. Khảo sát chi phí: việc kiểm soát chi phí trong điều tra nhà ở

Điều tra nhà ở cần thiết phải sử dụng một lượng lớn nhân lực và tài nguyên vật chất, cho nên không thể không khảo sát về chi phí thực thi. Chi phí điều tra nhà ở luôn luôn tính toán cùng với chi phí điều tra dân số, hoặc là ẩn trong tổng dự toán của các cơ quan, cho nên dữ liệu dự toán của không ít quốc gia cũng khó có

thể có được, ở đây chỉ tiến hành thuyết minh về dữ liệu dự toán của hai nước Mỹ và Đức.

Căn cứ theo tình hình dự toán được công bố năm 2019 của Cục Thống kê dân số nước Mỹ, Cục Thống kê dân số đã có được 80,6 triệu USD được cấp từ Bộ Nhà ở và Phát triển đô thị để tiến hành điều tra nhà ở tại nước Mỹ, đây là điều tra có chi phí cao nhất trong các điều tra được ủy quyền bởi các cơ quan khác. Năm 2017, Điều tra nhà ở nước Mỹ bao gồm 114.860 đơn vị mẫu nhà ở, dựa vào đây để tính toán, chi phí để thu thập dữ liệu có liên quan của mỗi một mẫu nhà ở lên tới 701 USD.

Căn cứ theo dữ liệu được công khai trên trang <https://www.zensus2011.de/>, tổng điều tra năm 2011 của nước Đức tổng cộng đã tiêu tốn 710 triệu Euro, trong đó 180 triệu Euro chi cho công tác chuẩn bị sơ bộ, 530 triệu Euro chi trong quá trình thực thi. Theo tính toán của Cục Thống kê liên bang Đức, nếu sử dụng phương pháp tổng điều tra truyền thống, chỉ tính riêng điều tra dân số đã phải chi 1,4 tỷ Euro.

Có thể thấy, chi phí dành cho điều tra về nhà ở của Mỹ và Đức đều rất cao, tuy nhiên xét từ góc độ tổng lượng GDP quốc gia thì chi phí đó là vừa phải. Chi phí điều tra nhà ở của Mỹ là 80 triệu USD, chiếm 0,004 0/00 so với tổng lượng GDP năm 2018 với 20,5 nghìn tỷ USD. Chi phí dành cho điều tra dân số và điều tra nhà ở nước Đức là 710 triệu Euro, chiếm 0,1890/00 so với tổng lượng GDP năm 2011 với 3,758 nghìn tỷ Euro. Mặc dù chi phí nhân công tại các quốc gia phát triển khá cao, tuy nhiên việc sử dụng điều tra nhà ở ngẫu nhiên hoặc sử dụng phương thức tiến hành đồng thời điều tra nhà ở và điều tra dân số đều có thể kiểm soát hiệu quả chi phí bỏ ra.

La Úc Ninh

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn
Trung Quốc, số 8/2019*

ND: Kim Nhạn

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI NGUYỄN THỊ KIM NGÂN ĐIỆN ĐÀM VỚI CHỦ TỊCH QUỐC HỘI LÀO PANY YATHOTOU

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2020



Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân tại cuộc điện đàm với Chủ tịch Quốc hội Lào



Toàn cảnh cuộc làm việc